|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TÂN KỲ  **TRƯỜNG THCS TÂN AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Tân An, ngày 18 tháng 9 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN SINH HỌC**

**Năm học 2020-2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số 121/KH-THCS, ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Tân An)*

1. **Chương trình theo quy định**

**I. LỚP 6**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết**  (PPCT) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **MỞ ĐẦU SINH HỌC** | |  |  |  |  |
| 1 | Bài 1: Đặc điểm của cơ thể sống. | - Phân biệt được vật sống và vật không sống qua nhận biết dấu hiệu từ một số đối tượng  - Nêu được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống: trao đổi chất, lớn lên, vận động, sinh sản, cảm ứng.  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm hiểu đời sống, hoạt động của sinh vật.  - Tập làm quen với kĩ năng hoạt động nhóm.  -Giáo dục lòng yêu thiên nhiên.Yêu thích khoa học  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 1 |  |
| 2 | Bài 2: Nhiệm vụ của Sinh học. | - Nêu được một vài ví dụ cho thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với những mặt lợi, mặt hại của chúng. Biết được 4 nhóm sv chính: Đv,Tv,Vi khuẩn, Nấm. - Hiểu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học.  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm hiểu đời sống, hoạt động của sinh vật.  - Tập làm quen với kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục lòng yêu thiên nhiên.  - Yêu thích khoa học  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập | 2 |  |
|  | **ĐẠI CƯƠNG VỀ GIỚI THỰC VẬT** | |  |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Đặc điểm chung của thực vật. | - Hs trình bày được đặc điểm chung của TV.  - Tìm hiểu sự đa dạng phú của TV.  - Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm  - Giáo dục hs yêu thiên nhiên, bảo vệ TV.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập | 3 | Mục 1. Nội dung □ trang 11: Không dạy |
| 4 | Bài 4: Có phải tất cả thực vật đều có hoa? | - Hs biết quan sát, so sánh,phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản (hoa, quả).  - Phân biệt cây một năm và cây lâu năm.  - Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm.  - Giáo dục hs bảo vệ chăm sóc TV.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm | 4 |  |
|  | **CHƯƠNG I. TẾ BÀO THỰC VẬT** | |  |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Thực hành: Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng. | - Hs nhận biết các bộ phận của kính lúp và kính hiển vi.  - Biết cách sử dụng kính lúp ,kính hiển vi.  - Rèn luyện kỹ năng quan sá, thực hành.  - Giáo dục hs tính cẩn thận khi sử dụng kính.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | 5 |  |
| 6 | Bài 6: Thực hành: Quan sát tế bào thực vật. | - Hs phải tự làm được tiêu bản về tế bào TV (vảy hành, thịt quả cà chua chính…).  - Rèn luyện kỹ năng quan sát mẫu vật dưới kính hiển vi.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn, tính cẩn thận khi thực hành.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | 6,  7 |  |
| 7 | Bài 7: Cấu tạo tế bào thực vật. | - Hs xác định được cơ quan của TV đều được c.t bằng tế bào.  - Biết đựơc những thành phần chủ yếu của tế bào.  - Hiểu rõ khái niệm về mô.  - Rèn luyện kỹ năng quan sát hình vẽ, khai thác kiến thức.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 8 |  |
| 8 | Bài 8: Sự lớn lên và phân chia của tế bào. | - Hs trả lời được câu hỏi: Tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia ra sao?  - Hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào ở TV, chỉ có tế bào ở mô phân sinh mới có khả năng phân chia.  - Rèn luyện kỹ năng quan sát hình vẽ, khai thác kiến thức trên tranh.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập | 9 |  |
|  | **CHƯƠNG II. RỄ**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: RỄ ( 3 TIẾT GỒM BÀI 9, 11, 12)** | | | | | |
| 9 | Bài 9: Các loại rễ, các miền của rễ. | - Hs nhận biết phân biệt 2 loại rễ chính: Rễ cọc, rễ chùm.  - Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh, thảo luận nhóm.  - Giáo dục hs có ý thức bảo vệ thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm | 10 | Tích hợp thành chủ đề rễ |
| 10 | Bài 10: Cấu tạo miền hút của rễ. |  |  |  |  | Cả bài  Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 11 | Bài 11: Thực hành: Sự hút nước và muối khoáng của rễ. | - Hs q.sát nghiên cứu kết quả thí nghiệm để xác định được vai trò của nước và một số loại muối khoáng chính đối với cây.  - Hs hiểu được nhu cầu cây cần nước và muối khoáng, phụ thuộc vào điều kiện nào ? Từ đó có thể thiết kế T.N .  - Trình bày được vai trò của lông hút,  cơ chế hút nước và chất khoáng.  - Xác định con đường hút nước và muối khoáng hòa tan.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh , phân tích.  - Giáo dục hs ý thức chăm sóc cây.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập, HĐ nhóm và làm TH | 11 | Tích hợp thành chủ đề rễ |
| 12 | Bài 12: Thực hành: Biến dạng của rễ. | - Quan sát phân biệt được các loại biến dạng của rễ, đặc điểm các loại biến dạng của rễ.  - Cũng cố kiến thức đã học ờ bài trước.  - Có kỹ năng quan sát, so sánh, đối chiếu.  - Thu thập thông tin.  -Yêu thích bộ môn, tích cực hoọat động thực hành.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập, HĐ nhóm và làm TH. | 12 | kiểm tra 15’  Tích hợp thành chủ đề rễ |
|  | **CHƯƠNG III. THÂN**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: THÂN ( 6 TIẾT GỒM BÀI 13, 14, 15, 16, 17 VÀ 18)** | | | | | |
| 13 | Bài 13: Cấu tạo ngoài của thân. | - Hs xác định được các bộ phận cấu tạo ngoài của thân gồm: Thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.  - Phân biệt được 2 chồi nách: Chồi lá và chồi hoa.  - Phân biệt 3 loại thân: Thân đứng, thân leo, thân bò.  - Rèn luỵên kĩ năng quan sát tranh, mẫu vật.  - Giáo dục hs bảo vệ TV.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 13 | Tích hợp thành chủ đề thân |
| 14 | Bài 14: Thân dài ra do đâu ? | - Qua TN, hs phát hiện được: Thân dài ra do phần ngọn.  - Biết sử dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích 1 số hiện tượng trong thực tế sản xuất.  - Rèn luyện kĩ năng làm TN, quan sát, so sánh.  - Giáo dục hs yêu thích TV, bảo vệ TV.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 14 | Tích hợp thành chủ đề thân |
| 15 | Bài 15: Cấu tạo trong của thân non. | - Trình bày được cấu tạo sơ cấp của thân non: gồm vỏ và trụ giữa. So sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút).  - Nêu được chức năng của vỏ, trụ giữa.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh.  - Giáo dục tình yêu với thiên nhiên, bảo vệ cây.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 15 | Tích hợp thành chủ đề thân.  Cả bài: Không dạy cấu tạo chi tiết của thân non, chỉ dạy cấu tạo chung ở phần chữ đóng  khung cuối bài. |
| 16 | Bài 16: Thân to ra do đâu? | - Nêu được tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ (sinh mạch) làm thân to ra.  - Phân biệt được dác và ròng. Xác định được tuổi của cây hằng năm.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, nhận biết kiến thức.  - Giáo dục hs yêu thích TV. Có ý thức bảo vệ thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 16 | Tích hợp thành chủ đề thân .  Mục 2 và mục 3 trang 51 và 52  Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 17 | Bài 17: Vận chuyển các chất trong thân. | - Nêu được chức năng của mạch: mạch gỗ dẫn nước và muối khoáng từ rễ lên thân, lá; mạch rây dẫn chất hữu cơ từ lá về thân, rễ.  - Rèn kĩ năng làm thí nghiệm về sự dẫn nước và chất khoáng của thân  - Giáo dục hs bảo vệ thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề và năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 17 | Tích hợp thành chủ đề thân |
| 18 | Bài 18 : Thực hành: Biến dạng của thân. | - Hs nhận biết được những đặc điểm  chủ yếu về hình thái phù hợp với chức  năng của 1 số loại thân biến dạng.  - Nhận dạng 1 số thân biến dạng trong thiên nhiên.  - Rèn kĩ năng quan sát mẫu vật, so sánh.  - Giáo dục hs yêu thích thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập, HĐ nhóm và làm TH. | 18 | Tích hợp thành chủ đề thân |
| 19 | Ôn tập. | * - Ôn tập kiến thức đã học ở chương I, II, III. Trả lời các câu hỏi ở mỗi bài đã học, làm được các bài tập trắc nghiệm.   - Rèn luyện tính tự giác trong học tập.  - Giáo dục hs nghiêm túc trong học tập.  **:** - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 19,  20 |  |
| 20 | Kiểm tra 1 tiết. | - Kiểm tra sự hiểu kiến thức của học sinh về cấu tạo tế bào thực vật; cấu tạo và chức năng của rễ, thân.  - Qua kiểm tra, phân luồng học sinh, tìm biện pháp giảng dạy thích hợp.  - Rèn kĩ năng tự giác, tư duy độc lập,  kỹ năng làm.  - Giáo dục hs tính trung thực, nghiêm túc trong khi làm bài.  - Phát triển năng lực tự học, sống tự chủ. | **1 tiết** | Viết | 21 |  |
|  | **CHƯƠNG IV. LÁ**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LÁ ( 7TIẾT GỒM BÀI 19, 21, 22, 23, 24 VÀ 25)** | | | | | |
| 21 | Bài 19: Đặc điểm bên ngoài của lá. | - Nêu được các đặc điểm bên ngoài của lá gồm: cuống/bẹ lá, phiến lá.  - Phân biệt được 3 kiểu gân lá. Phân biệt các loại lá đơn và lá kép, các kiểu xếp lá trên cành, các loại gân trên phiến lá.  -Thu thập các dạng và kiểu phân bố lá  - Giáo dục hs chăm sóc cây xanh ở trường, nhà.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. Sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 22 | Tích hợp thành chủ đề lá. |
| 22 | Bài 20: Cấu tạo trong của phiến lá. | - Hs biết được đặc điểm bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.  - Giải thích được đặc điểm màu sắc 2 mặt của phiến lá  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 23 | Mục 2. Lệnh ▼ trang 66,  Mục Câu hỏi: Câu 4 và câu 5:  Không thực hiện |
| 23 | Bài 21 : Quang hợp. | - HS tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: khi có ánh sáng lá có thể chế tạo tinh bột và nhả ra khí oxi.  - Giải thích được quang hợp là quá trình lá cây hấp thụ ánh sáng mặt trời biến chất vô cơ (nước, CO2, muối khoáng) Thành chất hữu cơ (đường, tinh bột) và thải ôxi làm không khí luôn được cân bằng.  **-** Biết cách làm thí nghiệm lá cây quang hợp.  - Vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cần sử dụng để chế tạo tinh bột.  - Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.  - Viết sơ đồ tóm tắt quá trình quang hợp.  **-** Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, chăm sóc cây.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 24,  25 | Tích hợp thành chủ đề lá. |
| 24 | Bài 22 : Ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quang hợp, ý nghĩa của quang hợp. | - Hs nêu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp  - Vận dụng kiến thức để giải thích  được ý nghĩa của 1 vài biện pháp kĩ  thuật trong trồng trọt.  - Tìm được các Vd thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.  - Giải thích được trồng cây cần chú ý đến mật độ và thời vụ.  - Rèn kĩ năng, phân tích, so sánh.  - Giáo dục hs ý thức tham gia vào các hoạt động bảo vệ, phát triển cây xanh ở địa phương.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 26 | Tích hợp thành chủ đề lá. |
| 25 | Bài 23: Cây có hô hấp không? | - Giải thích được ở cây hô hấp diễn ra suốt ngày đêm, dùng ooxxi để phân hủy chất hữu cơ thành CO2 , H2O và sản sinh năng lượng.  - Giải thích được khi đất thoáng, rễ cây hô hấp mạnh tạo điều kiện cho rễ hút nước và hút khoáng mạnh mẽ.  - Biết cách làm thí nghiệm lá cây hô hấp.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 27 | Tích hợp thành chủ đề lá.  Mục Câu hỏi: Câu 4 và câu 5:  Không thực hiện |
| 26 | Bài 24: Phần lớn nước vào cây đi đâu? | - Hs lựa chọn được các thí nghiệm chứng minh cho kết luận: Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước.  - Giải thích được khi đất thoáng, rễ cây hô hấp mạnh tạo điều kiện cho rễ hút nước và hút khoáng mạnh mẽ.  - Trình bày được hơi nước thoát ra khỏi lá qua các lỗ khí.  - Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước.  - Biết được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước qua lá.  Biết cách làm thí nghiệm lá cây thoát hơi nước.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 28 | Tích hợp thành chủ đề lá. |
| 27 | Bài 25 : Thực hành: Biến dạng của lá. | -Nêu được các dạng lá biến dạng (thành gai, tua cuốn, lá vảy, lá dự trữ, lá bắt mồi) theo chức năng và do môi trường.  - Hiểu được biến dạng của lá có ý nghĩa đối với đời sống của chúng.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. - Sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | 29 | Tích hợp thành chủ đề lá. |
|  | **CHƯƠNG V. SINH SẢN SINH DƯỠNG**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: SINH SẢN SINH DƯỠNG ( 2 TIẾT GỒM BÀI 26 VÀ 27)** | | | | | |
| 28 | Bài 26: Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên. | - Phát biểu được sinh sản sinh dưỡng là sự hình thành cá thể mới từ một phần cơ quan sinh dưỡng(rễ, thân, lá).  - Biết được các biện pháp tiêu diệt cỏ dại hại cây trồng, giải thích cơ sở khoa học về những biện pháp đó.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh mẫu vật.  - Giáo dục hs biết bảo quản lương thực trước khi thu hoạch.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 30 | Tích hợp thành chủ đề sinh sản sinh dưỡng |
| 29 | Bài 27: Sinh sản sinh dưỡng do người. | - Phân biệt được sinh sản sinh dưỡng tự nhiên và sinh sản sinh dưỡng do con người.  - Trình bày được những ứng dụng trong thực tế của hình thức sinh sản do con người tiến hành.  - Phân biệt hình thức giâm, chiết, ghép, nhân giống trong ống nghiệm  - Biết cách giâm, chiết, ghép cây.  - Giáo dục hs biết các kỹ thuật trồng cây.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 31 | Tích hợp thành chủ đề sinh sản sinh dưỡng  **-** Mục 4 trang 90: Không dạy  - Mục Câu hỏi: Câu 4: Không thực hiện |
| 30 | Ôn tập học kỳ I. | - Nêu lại kiến thức đã học ở các  chương.Bằng câu hỏi tự luận và bài tập.  - Rèn luyện ý thức tự giác và kĩ năng  làm bài tập trắc nghiệm.  - Giáo dục hs nghiêm túc trong ôn tập.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 32, 33 |  |
| 31 | Kiểm tra học kỳ I. | - Kiểm tra sự hiểu biết kiến thức của HS về: cấu tạo và chức năng của rễ, thân, lá, sự quang hợp, hô hấp và sinh sản ở cây xanh.  - Qua kiểm tra biết được sự nắm bắt kiến thức của HS để tìm phương pháp giảng dạy thích hợp.  - Rèn kĩ năng trình bày, kĩ năng vận dụng kiến thức.  Biết ý thức học tập, không gian lận trong thi cử.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, - Sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Viết | 34 |  |
|  | **CHƯƠNG VI. HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH ( 4 TIẾT GỒM BÀI 28, 29, 30 VÀ 31)** | | | | | |
| 32 | Bài 28: Cấu tạo và chức năng của hoa. | - Biết được bộ phận hoa, vai trò của hoa đối với cây.  - Phân biệt được cấu tạo của hoa và nêu các chức năng của mỗi bộ phận đó.  - Giải thích được vì sao nhị và nhuỵ là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích tách  các bộ phận trên mẫu vật.  - Giáo dục hs bảo vệ các loại hoa.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 35 | Tích hợp thành chủ đề hoa và sinh sản hữu tính. |
| 33 | Bài 29 : Các loại hoa. | - Phân biệt được các loại hoa: hoa đực hohoa cái, hoa lưỡng tính, hoa đơn độc và hoa mọc thành chùm.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm.  - Giáo dục hs bảo vệ thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 36 | Tích hợp thành chủ đề hoa và sinh sản hữu tính. |
|  | **HỌC KỲ II** | |  |  |  |  |
| 34 | Bài 30: Thụ phấn. | - Nêu được thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.  - Phân biệt được giao phấn và tự thụ phấn  - Trình bày được quá trình thụ tinh, kết hạt và tạo quả.  - Biết cách thụ phấn bổ sung để tăng năng suất cây trồng  - Hs giải thích được tác dung của những  đặc điểm có ở hoa thụ phấn nhờ gió, so  với thụ phấn nhờ sâu bọ.  - Hiểu được hiện tượng giao phấn.  - Biết được vai trò con người từ tự thụ phấn cho hoa góp phần nâng cao năng xuất và phẩm chất cây trồng.  - Giáo dục hs biết cách ứng dụng trong cây trồng.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 37,  38 | Tích hợp thành chủ đề hoa và sinh sản hữu tính. |
| 35 | Bài 31 : Thụ tinh, kết quả và tạo hạt. | - Trình bày được quá trình thụ tinh, kết hạt và tạo quả.  - Nhận biết dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.  - Xác định được sự biến đổi các bộ phận của hoa thành quả và hạt sau khi thụ tinh.  Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết.  Giáo dục hs vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng trong cuộc sống.  Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 39 | -Tích hợp thành chủ đề hoa và sinh sản hữu tính.  -Mục 2. Thụ tinh  Không dạy chi tiết, chỉ dạy khái niệm thụ tinh ở phần chữ đóng khung cuối bài. |
|  | **CHƯƠNG VII. QUẢ VÀ HẠT** | |  |  |  |  |
| 36 | Bài 32: Các loại quả. | - - Nêu được các đặc điểm hình thái, cấu  tạo của quả: quả khô, quả thịt  --- - Rèn kĩ năng quan sát, thực hành, so sánh.  - Giáo dục hs vận dụng kiến thức để bảo quản quả và hạt sau khi thu hoạch.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.  - Phẩm chất : Tự lập, tự tin, trung thực, có trách nhiệm với bản thân và môi trường, thực hiện nghĩa vụ đạo đức tôn trọng. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 40 |  |
| 37 | Bài 33: Hạt và các bộ phận của hạt. | - Mô tả được các bộ phận của hạt: hạt gồm vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ. Phôi gồm rễ mầm, thân mầm, lá mầm và chồi mầm. Phôi có 1 lá mầm (ở cây 1 lá mầm) hay 2 lá mầm (ở cây 2 lá mầm)  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh rút ra kết luận.  - Giáo dục hs biết cách bảo quản các loại hạt giống.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.  - Phẩm chất : Tự lập, tự tin, trung thực, có trách nhiệm với bản thân và môi trường, thực hiện nghĩa vụ đạo đức tôn trọng. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 41 |  |
| 38 | Bài 34: Phát tán của quả và hạt. | - Giải thích được vì sao ở 1 số loài thực vật quả và hạt có thể phát tán xa.  - Rèn kĩ năng quan sát nhận biết, hoạt động nhóm.  - Giáo dục hs bảo vệ chăm sóc thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.  - Phẩm chất : Tự lập, tự tin, trung thực, có trách nhiệm với bản thân và môi trường, thực hiện nghĩa vụ đạo đức tôn trọng. | **v** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 42 |  |
| 39 | Bài 35: Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm. | - - Nêu được các điều kiện cần cho sự  nảy mầm của hạt (nước, nhiệt độ...).  - Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kỹ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.  - Làm thí nghiệm về những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. - Phẩm chất : Tự lập, tự tin, trung thực, có trách nhiệm với bản thân và môi trường, thực hiện nghĩa vụ đạo đức tôn trọng. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 43 |  |
| 40 | Bài 36: Tổng kết về cây có hoa. | - Hệ thống hóa kiến thức về cấu tạo vàchức năng chính của các cơ quan của cây xanh có hoa.  - Hs biết được cây xanh và môi trường có mối liên quan chặt chẽ.  - Biết được khi điều kiện sống thay đổi thì cây xanh biến đổi thích nghi với đời sống.  - Thực vật thích nghi với điều kiện sống nên phân bố rộng rãi.  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích, hệ thống thống hóa kiến thức.  - Giáo dục hs yêu và bảo vệ thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác,  . | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 44,  45 | Mục I.2. Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa  Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài. |
|  | **CHƯƠNG VIII. CÁC NHÓM THỰC VẬT** | |  |  |  |  |
| 41 | Bài 37: Tảo. | - Hs nêu được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là TV bậc thấp.  - Phân biệt được tảo với một cây xanh thật sự.  - Tập nhận biết được một số tảo thường gặp qua quan sát mẫu vật.  - Hiểu rõ lợi ích của tảo.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Giáo dục hs ý thức bảo vệ TV.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 46 | Mục 1. Cấu tạo của tảo  Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy đặc  điểm chung ở phần chữ đóng khung cuối bài. |
| 42 | Bài 38: Rêu - Cây rêu. | - Mô tả được rêu là thực vật đã có thân, lá nhưng cấu tạo đơn giản.  - Biết được cơ quan sinh sản của rêu là túi bào tử.  - Thấy được vai trò của rêu trong tự nhiên.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Giáo dục hs yêu thích thiên nhiên.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, ham mê tìm hiểu khoa học, yêu cuộc sống. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 47 | Mục 3. Túi bào tử và sự phát triển  của rêu  Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ  đóng khung cuối bài. |
| 43 | Bài 39: Quyết - Cây dương xỉ. | - Mô tả được quyết (cây dương xỉ) là thực vật có rễ, thân, lá, có mạch dẫn. Sinh sản bằng bào tử.  - Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.  - Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 48 | Mục 1. Lệnh ▼ trang 129  Không thực hiện |
| 44 | Bài 40: Hạt trần - Cây thông. | - Mô tả được cây Hạt trần (ví dụ cây thông) là thực vật có thân gỗ lớn và mạch dẫn phức tạp, sinh sản bằng hạt nằm lộ trên lá noãn hở.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, làm việc độc lập.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 49 | -Mục 1. Lệnh ▼ trang 132  Không thực hiện  - Mục 2. Lệnh ▼ trang 132-133  Chỉ dạy cơ quan sinh sản của cây thông như phần chữ đóng khung ở cuối bài. |
| 45 | Bài 41: Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín. | - Nêu được thực vật hạt kín là nhóm thực vật có hoa,quả, hạt. Hạt nằm trong quả (hạt kín). Là nhóm thực vật tiến hóa hơn cả (có sự thụ phấn, thụ tinh kép).  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 50 | Mục b) Lệnh ▼ trang 135  Không thực hiện |
| 46 | Bài 42: Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm. | - So sánh được thực vật thuộc lớp 2 lá mầm với thực vật thuộc lớp 1 lá mầm.  - Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.  - Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên thực vật.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 51 | Mục 2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm  Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 47 | Ôn tập. | - Ôn tập kiến thức của chương VI: Hoa và Sinh Sản hữu tính; chương VII: Quả chương VII: Hạt và kiến thức về tảo, rêu, quyết, hạt trần, hạt kín.  - Rèn kĩ năng hoạt động độc lập, hoạt động theo nhóm và tái hiện kiến thức.  - Giáo dục hs tự giác trong học tập .  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 52 |  |
| 48 | Kiểm tra 1 tiết. | - Kiểm tra sự nắm bắt kiến thức của học sinh về: hoa và sự sinh sản hữu tính, quả và hạt, tảo, rêu, dương xỉ…  - Qua kiểm tra phân luồng được học sinh để tìm biện pháp giảng dạy tốt hơn.  - Rèn kĩ năng trình bày.  - Kĩ năng vận dụng kiến thức...  - Có ý thức học tập, nghiêm túc trong kiểm tra.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Viết | 53 |  |
| 49 | Bài 43: Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật. | -Nêu được khái niệm giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.  - Vận dụng kĩ năng phân biệt 2 lớp của ngành hạt kín.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác,  sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập. | 54 |  |
| 50 | Bài 44: Sự phát triển của giới Thực vật | **Đọc thêm** |  |  |  | Cả bài  Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 51 | Bài 45: Nguồn gốc cây trồng. | - Giải thích được tùy theo mục đích sử dụng, cây trồng đã được tuyển chọn và cải tạo từ cây hoang dại.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, thực hành.  - Giáo dục hs yêu thích bộ môn.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 55 |  |
|  | **CHƯƠNG IX. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT** | |  |  |  |  |
| 52 | Bài 46: Thực vật góp phần điều hoà khí hậu. | - Hiểu được thực vật rừng có vai trò quan trọng trong việc giữ cân bằng lượng khí CO2 và O2 trong không khí, góp phần điều hòa khí hậu và giảm ô nhiễm môi trường.  Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh  Giáo dục hs có ý thức bảo vệ thực vật, môi trường.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 56 |  |
| 53 | Bài 47: Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước. | Giải thích nguyên nhân gây ra của những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên (xói mòn, hạn hán,lũ lụt…).từ đó thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  -Xác định trách nhiệm bảo vệ thực vật bằng hành động cụ thể phù hợp lứa tuổi.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương , sống tự chủ. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 57 |  |
| 54 | Bài 48: Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người. | - Nêu được vai trò của thực vật đối với động vật.  - Rèn kĩ năng quan sát  khái quát kiến thức.  - Giáo dục hs bảo vệ cây cối bằng công việc cụ thể.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 58 |  |
| 55 | Bài 48: Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người (tiếp theo). | - Nêu được vai trò của thực vật đối với  con người.  - Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích.  - Giáo dục hs ý thức bảo vệ bằng hằng động cụ thể.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, ham mê tìm hiểu khoa học, yêu cuộc sống, sống yêu thương , sống tự chủ | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 59 |  |
| 56 | Bài 49: Bảo vệ sự đa dạng của thực vật. | - Giải thích được sự khai thác quá mức dẫn đến tàn phá và suy giảm đa dạng sinh vật.  - Nêu các ví dụ về vai trò của cây xanh đối với đời sống con người và nền kinh tế  - Rèn kĩ năng trả lời câu hỏi theo biểu bảng.  - Kĩ năng hoạt động nhóm  - Có ý thức thể hiện bằng hành động cụ thể bảo vệ cây có ích, bài trừ cây có hại.  Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, ham mê tìm hiểu khoa học, yêu cuộc sống, sống yêu thương , sống tự chủ | **1 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **60** | Mục 2. Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam  Không dạy về số liệu |
|  | **CHƯƠNG X. VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y** | |  |  |  |  |
| 57 | Bài 50: Vi khuẩn. | - Mô tả vi khuẩn là sinh vật nhỏ bé tế bào chưa có nhân, phân bố rộng rãi. sinh sản chủ yếu bằng cách nhân đôi.  - Nêu được vi khuẩn có lợi cho sự phân hủy chất hữu cơ, góp phần hình thành mùn, dàu hỏa, than đá, góp phần lên men, tổng hợp vitamin, chất kháng sinh.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích.  - Giáo dục lòng yêu thích môn học.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác  - Phẩm chất: sống yêu thương , sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 61,  62 | Mục 3. Phân bố và số lượng  Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài. |
| 58 | Bài 51: Nấm. | - Nêu được cấu tạo, hình thức sinh sản, tác ha hại và công dụng của nấm.  - Nêu được nấm có hại gây nên 1 số bệnh cho cây, động vật và người.  - Nêu được cấu tạo, hình thức sinh sản,tác hại và công dụng của nấm.  Rèn luyện kỹ năng quan sát , vận dụng kiến thức giải thích các hiện tượng thực tế.  Biết cách ngăn chặn sự phát triển của nấm có hại phòng ngừa một số bệnh ngoài da.  Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực thể chất, sống yêu thương , sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 63, 64 |  |
| 59 | Bài 52: Địa y. |  |  |  |  | Cả bài  Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 60 | Ôn tập học kỳ II. | - Hệ thống hóa kiến thức từ chương VII đến chương X qua các dạng bài tập .  - Khái quát so sánh và phân tích  - Hs có ý thức tự giác trong học tập.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống tự chủ. | **2 tiết** | Tổ chức hoạt động tại lớp học; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 65, 66 |  |
| 61 | Kiểm tra học kỳ II. | - Kiểm tra sự nắm bắt kiến thức của học từ chương VII đến chương X  - Qua kiểm tra phân luồng được học sinh để tìm biện pháp giảng dạy tốt hơn  - Rèn kĩ năng trình bày.  - Kĩ năng vận dụng kiến thức...  - Có ý thức học tập, nghiêm túc trong kiểm tra. | **1 tiết** | Viết | 67 |  |
| 62 | Bài 53: Tham quan thiên nhiên. | * - Tìm hiểu đặc điểm của môi trường nơi đến tham quan * - Tìm hiểu thành phần và đặc điểm thực vật có trong môi trường, nêu lên mối liên hệ giữa thực vật với môi trường.   - Quan sát và thu thập mẫu vật (chú ý vấn đề bảo vệ môi trường)  - Rèn kĩ năng quan sát thực hành, kĩ năng làm việc độc lập và theo nhóm.  Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ cây cối.  - Phát triển năng lực tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sống yêu thương. | **3 tiết** | Tổ chức hoạt độngtại vườn trường; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | 68  ,69,70. |  |

**II. LỚP 7:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài / chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Tiết (PPCT)** | **Ghi chú** |
|  |  | **Mở đầu** |  |  |  |  |
| 1 | Bài 1: Thế giới động vật đa dạng, phong phú. | - HS chứng minh được sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở số loài và môi trường sống.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh. Kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập yêu thích môn học.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề. | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **1** |  |
| 2 | Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật. | - Phân biệtvđược đặc điểm cơ bản của động vật với thực vật.  - Nêu được đặc điểm chung của động vật.  - - Biết được sơ lược cách phân chia giới động vật  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức yêu thích môn học, có ý thức bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **2** |  |
| **CHƯƠNG I. NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH ( 5 TIẾT GỒM BÀI 3, 4, 5, 6 VÀ 7)** | | | | | | |
| 3 | Bài3: *Thực hành:* Quan sát một số động vật nguyên sinh | - HS thấy được ít nhất 2 đại diện điển hình cho ngành động vật nguyên sinh là: Trùng roi và trùng đế giày.  - Phân biệt được hình dạng, cách di chuyển của 2 đại diện này.  Rèn kĩ năng sử dụng và quan sát mẫu bằng kính hiển vi.  Nghiêm túc, tỉ mỉ, cẩn thận.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **3** | Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ĐVNS. |
| 4 | Bài 4:Trùng roi | - HS nắm được đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và sinh sản của trùng roi xanh, khả năng hướng sáng.  - HS thấy được bước chuyển quan trọng từ động vật đơn bào đến động vật đa bào qua đại diện là tập đoàn trùng roi.  - Rèn kĩ năng quan sát, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  Giáo dục ý thức học tập.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **4** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ĐVNS.  - Mục I.1. Cấu tạo và di chuyển:Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng  khung ở cuối bài.  - Mục 4. Tính hướng sáng:Không dạy  - Mục Câu hỏi: Câu 3:Không thực hiện |
| 5 | Bài 5: Trùng biến hình và trùng giày | - HS nắm được đặc điểm cấu tạo, di chuyển, dinh dưỡng và sinh sản của trùng biến hình và trùng giày.  - HS thấy được sự phân hoá chức năng các bộ phận trong tế bào của trùng giày, đó là biểu hiện mầm mống của động vật đa bào.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  Giáo dục ý thức học tập  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **5** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ĐVNS.  - Mục II.1. Cấu tạo và di chuyển  Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài.  - Mục II.2. Lệnh ▼ trang 22, Mục Câu hỏi: Câu 3 trang 22,:Không thực hiện |
| 6 | Bài 6:Trùng kiết lị và trùng sốt rét | - Biết được đặc điểm cấu tạo của trùng sốt rét và trùng kiết lị phù hợp với lối sống kí sinh.  - HS chỉ rõ được những tác hại do 2 loại trùng này gây ra và cách phòng chống bệnh sốt rét  - Rèn kĩ năng quan sát kênh hình, tìm tòi, so sánh.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức vệ sinh cơ thể và vệ sinh cộng đồng.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **6** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ĐVNS.  - Mục I. Lệnh ▼ trang 23, Mục II.2. Lệnh ▼ trang 24: Không thực hiện |
| 7 | Bài 7:Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của Động vật nguyên sinh | - Nêu được đặc điểm chung của động vật nguyên sinh.  - Trình bày được vài trò tích cực của động vật nguyên sinh và những tác hại do động vật nguyên sinh gây ra.  - Rèn kĩ năng quan sát kênh hình, tìm tòi, so sánh.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - Rèn ký năng thu thập kiến thức, phân tích, tổng hợp.  - GD ý thức học tập bộ môn, ý thức vệ sinh, bảo vệ môi tr­ờng và cơ thể.  - Bảo vệ các loài động vật, bảo vệ các nguồn năng l­ợng hiện có.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **7** | Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ĐVNS.  - Nội dung về Trùng lỗ trang 27: Không dạy |
| CHƯƠNG II. NGÀNH RUỘT KHOANG  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: NGÀNH RUỘT KHOANG ( 3 TIẾT GỒM BÀI 8, 9 VÀ 10)** | | | | | | |
| 8 | Bài 8:Thuỷ tức. | - Nêu được đặc điểm hình dạng, cấu tạo, dinh dưỡng và cách sinh sản của thuỷ tức, đại diện cho ngành ruột khoang và là ngành động vật đa bào đầu tiên.  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm, phân tích, tổng hợp.  - Giáo dục ý thức học tập, thái độ yêu thích môn học  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **8** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành ruột khoang.  - Mục II. Bảng trang 30: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài.  - Mục II. Lệnh ▼ trang 30: Không thực hiện |
| 9 | Bài 9: dạng của ngành Ruột khoang | - Nêu được sự đa dạng của ngành ruột khoang được thể hiện ở cấu tạo cơ thể, lối sống, tổ chức cơ thể, di chuyển.  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập bộ môn.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **9** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành ruột khoang  - Mục I. Lệnh ▼ trang 33; Mục III. Lệnh ▼ trang 35: Không thực hiện |
| 10 | Bài10: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang. | - Nêu được những đặc điểm chung nhất của ngành ruột khoang.  - HS chỉ rõ được vai trò của ngành ruột khoang trong tự nhiên và trong đời sống  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập bộ môn.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **10** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành ruột khoang  - Mục I. Bảng trang 37: Không thực hiện nội dung ở các số thứ tự 4, 5 và 6. |
| **CHƯƠNG III. CÁC NGÀNH GIUN** | | | | | | |
| **Ngành Giun dẹp**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN DẸP( 2 TIẾT GỒM BÀI 11 VÀ 12)** | | | | | | |
| 11 | Bài11: Sán lá gan. | - Hs nêu được đặc điểm nổi bật của ngành giun dẹp là cơ thể đối xứng 2 bên.  - Chỉ rõ đặc điểm cấu tạo của sán lá gan thích nghi với lối sống ký sinh.  - Giải thích được vòng đời của sá lá gan qua nhiều giai đoạn ấu trùng kèm theo thay đổi vật chủ.  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học học tập.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **11** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun dẹp.  - Mục III.1. Lệnh ▼ trang 41- 42: Không thực hiện |
| 12 | Bài 12: Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành giun dẹp. | Nắm hình được dạng vòng đời của 1 số giun dẹp kí sinh về các mặt: Kích thước, tác hại, khả năng xâm nhập vào cơ thể .  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập bộ môn  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **12** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun dẹp.  - Mục II. Đặc điểm chung: Không dạy. |
| **Ngành giun tròn**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN TRÒN ( 2 TIẾT GỒM BÀI 13 VÀ 14)** | | | | | | |
| 13 | Bài 13**:** Giun đũa | - HS nêu được đặc điểm cơ bản về cấu tạo, di chuyển dinh d­ưỡng, sinh sản của giun đũa thích nghi với đời sống kí sinh. Nêu được tác hại của giun đũa và cách phòng tránh  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập bộ môn  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **13** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun tròn.  - Mục III. Lệnh ▼ trang 48: Không thực hiện |
| 14 | Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành Giun tròn. | - HS nêu rõ đ­ược 1 số giun tròn đặc biệt là 1 số giun tròn kí sinh gây bệnh khác như: Giun kim kí sinh ruột già, giun móc câu, giun chỉ, giun rễ lúa, từ đó có biện pháp phòng  - Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích so sánh tổng hợp kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập bộ môn, phòng tránh bệnh giun ký sinh. | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **14** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun tròn.  - Mục II. Đặc điểm chung: Không dạy |
| **Ngành giun đốt**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN ĐỐT ( 3 TIẾT GỒM BÀI 15, 16 VÀ 17)** | | | | | | |
| 15 | Bài 15: *Thực hành:* Quan sát cấu tạo ngoài và HĐ sống của giun đất. | - HS nêu được đặc điểm cấu tạo, di chuyển, dinh d­ưỡng, sinh sản của giun đất đại diện cho ngành giun đốt. chỉ rõ đặc điểm tiến hóa hơn của giun đất so với giun tròn.  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu, kĩ năng làm việc theo nhóm. Kĩ năng thực hành.  - Giúp HS yêu thích bộ môn, có ý thức bảo vệ động vật  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **15** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun đốt.  -Mục III. Cấu tạo trong: Không dạy |
| 16 | Bài 16: *Thực hành:* Mổ và quan sát giun đất. | - HS nhận biết đ­ược loài giun khoang, làm quen với cách mổ ĐVKXS  - Quan sát được cấu tạo ngoài, cấu tạo trong của giun đất, từ đó nhận biết đ­ược các cơ - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu, kĩ năng làm việc theo nhóm. Kĩ năng thực hành.  - Giúp HS yêu thích bộ môn, có ý thức bảo vệ động vật quan của giun đất và viết thu hoạch  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại Phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm làm TH. | **16** | Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun đốt.  - Mục III.2. Cấu tạo trong: Không thực hiện |
| 17 | Bài 17: Một số giun đốt khác và đặc điểm chung của ngành giun đốt | - HS nắm được đặc điểm đại diện giun đốt phù hợp với lối sống.  Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.  Giáo dục ý thức bảo vệ động vật.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1 tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **17** | Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành giun đốt.  - Mục II. Đặc điểm chung: Không dạy |
| 18 | Kiểm tra 1 tiết | - Kiểm tra kiến thức, kỷ năng đã học ở chương I, II, III  - Đánh giá được mức độ tiếp thu của học sinh từ đó phân loại học sinh để có biện pháp bồi dưỡng, phụ đạo.  -Rèn luyện kĩ năng diễn đạt,phân tích,so sánh  Giáo dục ý thức làm bài tự giác, nghiêm túc, trình bày rõ ràng, đẹp.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức | 1tiết | **Viết** | **18** |  |
| **CHƯƠNG IV. NGÀNH THÂN MỀM**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: NGÀNH THÂN MỀM( 4 TIẾT GỒM BÀI 18, 19, 20 VÀ 21)** | | | | | | |
| 19 | Bài 18: Trai sông | - HS nhận biết được hình dạng cấu tạo ,di chuyển, dinh dưỡng, sinh sản của trai sông.  - HS biết vì sao trai sông xếp vào ngành thân mềm. Giải thích được đặc điểm cấu tạo của trai sông thích nghi với đời sống ẩn mình trong bùn cát.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh hình để tìm hiểu các đặc điểm của trai sông.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe các ý kiến khi thảo luận và rút ra kết luận.  - Yêu thích khoa học, yêu thích bộ môn.  - Bảo vệ các loài động vật có ích.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **19** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành thân mềm.  - Mục II. Di chuyển: Không dạy  -Mục III. Lệnh ▼ trang 64: Không thực hiện |
| 20 | Bài 19: Một số thân mềm khác *( dạy lý thuyết)* | - Quan sát cấu tạo đặc trưng của một số đại diện.  - Trình bày được đặc điểm của một số đại diện của ngành thân mềm; Thấy được sự đa dạng của thân mềm;  - Giải thích được ý nghĩa một số tập tính ở thân mềm. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **20** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành thân mềm. |
| 21 | Bài 20: *Thực hành:* Quan sát một số thân mềm (tiếp theo). | - Quan sát mẫu ngâm, mẫu mổ sẵn, tranh ảnh, tranh vẽ.  - Quan sát cấu tạo vỏ của một số thân mềm thường gặp.  - HS quan sát cấu tạo đặc trư­ng của một số đại diện. Phân biệt đ­ược cấu tạo chính của thân mềm: cấu tạo ngoài đến cấu tạo trong.  - Rèn kĩ năng sử dụng kính lúp, kĩ năng quan sát đối chiếu với mẫu vật.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh hình, mẫu vật thật để tìm hiểu cấu tạo ngoài, cấu tạo trong của một số thân mềm.  - Kĩ năng hợp tác trong nhóm.  - Kĩ năng quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm được phân công.  - GD ý thức nghiêm túc, cẩn thận, bảo vệ thân mềm có ích.  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **21** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành thân mềm.  - Mục III.3. Cấu tạo trong: Không thực hiện |
| 22 | Bài 21: Đặc điểm chung và vai trò của ngành thân mềm | - Trình bày được sự đa dạng của ngành thân mềm. Trình bày đ­ược đặc điểm chung và ý nghĩa thực tiễn của ngành thân mềm.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu cấu tạo, hoạt động sống của một số đại diện ngành thân mềmqua đó rút ra đặc điểm chung của ngành TM cũng như vai trò của chúng trong thực tiễn cuộc sống.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp.  - Có ý thức bảo vệ nguồn lợi thân mềm.  - ý thức bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn năng lượng thuỷ triều  - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **22** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về ngành thân mềm.  - Mục I. Lệnh ▼ trang 71-72: Không thực hiện |
| **CHƯƠNGV. NGÀNH CHÂN KHỚP** | | | | | | |
| **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP GIÁP XÁC( 2 TIẾT GỒM BÀI 22 VÀ 24)** | | | | | | |
| 23 | Bài 22: *Thực hành:* QS cấu tạo ngoài và hoạt động sống của tôm sông *.* | - Nêu đ­ược khái niệm về lớp giáp xác, mô tả được cấu tạo , dinh d­ưỡng của tôm sông  - HS biết được vì sao tôm sông xếp vào lớp giáp xác thuộc ngành chân khớp. Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài tôm thích nghi với đời sống ở n­ước. Trình bày đ­ược đặc điểm dinh dưỡng sinh sản của tôm.  Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu, kĩ năng làm việc theo nhóm. Kĩ năng thực hành.  Giúp HS yêu thích bộ môn, có ý thức bảo vệ động vật có ích trong ngành chân khớp | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại Phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **23** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp giáp xác.  - Mục I.2. Các phần phụ tôm và chức năng; Mục I.3. Di chuyển: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 24 | Bài 23: *Thực hành:* Mổ và quan sát tôm sông. |  |  |  |  | Cả bài: Không thực hiện |
| 25 | Bài 24: Đa dạng và vai trò của lớp Giáp xác | - HS trình bày được một số đặc điểm về cấu tạo và lối sống của các đại diện giáp xác th­ờng gặp. Nêu đ­ược vai trò thực tiễn của giáp xác, tập tính của giáp xác.  - Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu vai trò của một số đại diện lớp giáp xác trong thực tiễn cuộc sống  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp.  - Có thái độ đúng đắn bảo vệ các giáp xác có lợi. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp. | **24** | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp giáp xác. |
| 26 | Bài 25: Nhện và sự đa dạng của lớp Hình nhện. | - Nêu được khái niệm, các đặc tính về hình thái Cơ thể phân làm 3 phần rõ rệt và 4 đôi chân và hoạt động của lớp hình nhện.  - HS trình bày được đặc điểm cấu tạo ngoài của nhện và một số tập tính của chúng. Nêu đ­ược sự đa dạng của hình nhện và ý nghĩa thực tiễn của chúng.  - Rèn kĩ năng quan sát , phân tích, nhận biết và hoạt động nhóm.  - Kĩ năng thu nhận và xử lí thông tin  Có ý thức bảo vệ các loài hình nhện có lợi trong tự nhiên | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp. | **25** | -Mục I.1. Bảng 1: Không thực hiện |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP SÂU BỌ( 3 TIẾT GỒM BÀI 26, 27 VÀ 28)** | | | | | |
| 27 | Bài 26: Châu chấu | - HS trình bày đượccác đặc điểm cấu tạo ngoài của châu chấu liên quan đến sự di chuyển, sinh sản và phát triển của châu chấu.  - Rèn kĩ năng quan sát , phân tích, nhận biết và hoạt động nhóm.  - Kĩ năng thu nhận và xử lí thông tin  - HS có ý thức học bộ môn , biết nhận biết trong thực tế | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp. | **26** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp sâu bọ  -Mục II. Cấu tạo trong: Không dạy |
| 28 | Bài 27: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Sâu bọ. | - HS nêu đ­ược sự đa dang của lớp sâu bọ. Trình bày đ­ợc đặc điểm chung của lớp sâu bọ. Nêu đ­ược vai trò thực tiễn của lớp sâu bọ  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu sự đa dạng và đặc điểm chung của sâu bọ và vai trò thực tiến của sâu bọ trong thiên nhiên và trong đời sống con người.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng ứng xử, giao tiếp.  - Có ý thức bảo vệ các loài sâu bọ có ích và tiêu diệt sâu bọ có hại. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp. | **27** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp sâu bọ  -Mục II.1. Đặc điểm chung: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài. |
| 29 | Bài 28: *Thực hành:*Xem băng hình về tập tính của sâu bọ. | - HS quan sát phát hiện một số tập tính của sâu bọ thể hiện trong tìm kiếm và cất giữ thức ăn trong sinh sản và trong quan hệ giữa chúng với con mồi hoặc kẻ thù.  - Rèn kĩ năng quan sát trên băng hình, kĩ năng tóm tắt nội dung xem.  GD ý thức học tập yêu thích bộ môn.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **28,**  **29** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp sâu bọ  -Mục III.1. Về giác quan; Mục III.2. Về thần kinh: Khuyến khích học sinh tự tìm hiểu |
| 30 | Bài 29: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Chân khớp. | - HS trình bày đặc điểm chung, giải thích đ­ợc sự đa dạng, nêu vai trò thực tiễn của nghành chân khớp.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu ngành chân khớp cũng như vai trò thực tiến của chúng trong thiên nhiên và trong đời sống con người.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng ứng xử, giao tiếp.  - Có ý thức bảo vệ các loài chân khớp có ích và tiêu diệt chân khớp có hại. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **30** | Mục I. Đặc điểm chung: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài. |
| **CHƯƠNGVI. NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG** | | | | | | |
| **Lớp cá**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP CÁ( 3 TIẾT GỒM BÀI 31, 32 VÀ 34)** | | | | | | |
| 31 | Bài 31: *Thực hành:* Quan sát cấu tạo ngoài và HĐ sống của cá chép. | - Nêu đặc điểm cơ bản của ĐVCXS, phân biệt với ĐVKXS  - HS hiểu được các đặc điểm đời sống cá chép. Giải thích đ­ược các đặc điểm cấu tạo ngoài của cá thích nghi với đời sống ở n­ước.  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật, quan sát thực tế, kĩ năng hoạt động nhóm.  - GD ý thức học tập, yêu thích bộ môn ,bảo vệ động vật ở n­ước  - PTNL: Giao tiếp, khái quát, tư duy, tự tin | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **31** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp cá. |
| 32 | Bài 32: *Thực hành*: Mổ cá. | HS đọc được vị trí và nêu rõ vai trò của 1 số cơ quan của cá trên mẫu mổ.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực, giao tiếp trong nhóm.  - Kĩ năng so sánh, đối chiếu vật mẫu với hình vẽ SGK.  - Kĩ năng quản lí thời gian và đảm nhận trách nhiệm được phân công.  - Rèn luyện kĩ năng mổ trên ĐVCXS và trình bày mẫu mổ.  - Giáo dục cho HS thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **32** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp cá. |
| 33 | Bài 33: Cấu tạo trong của cá chép. |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 34 | Bài 34: Đa dạng và đặc điểm chung của các lớp Cá. | - HS nắm đ­ược sự đa dạng của cá về số loài , lối sống, môi tr­ường sống.  - Trình bày đ­ược đặc điểm cơ bản phân biệt lớp cá sụn và lớp cá x­ương.  - Nêu vai trò của cá trong đời sống con ng­ười.  - Trình bày đ­ược đặc điểm chung của cá.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu sự đa dạng về cấu tạo, tập tính trong sự thích ngh với môi trường sống; thành phần loài; đặc điểm chung và vai trò của cá với đời sống.  - Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng so sánh, phân tích, khái quát để rút ra đặc điểm chung của lớp cá.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp.  - GD ý thức bảo vệ những động vật trong lớp cá | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **33** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp cá.  - Mục II. Đặc điểm chung của Cá: Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo  trong. |
| 35 | Bài 30: Ôn tập học kỳ I (ôn phần đã học, bài 30) | - Khái quát được đặc điểm của các ngành ĐVKXS từ thấp đến cao.  - Thấy được sự đa dạng về loài của động vật.  - Phân tích được nguyên nhân của sự đa dạng ấy, có sự thích nghi rất cao của động vật với môi trường sống.  - Thấy được tầm quan trọng của động vật đối với con người và đối với tự nhiên.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh hình để tìm hiểu tính đa dạng, sự thích nghi và tầm quan trọng thực tiễn của động vật.  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực, giao tiếp.  - Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.  - HS hiểu được mối liên hệ giữa môi trường và chất lượng cuộc sống của con người và có ý thức bảo vệ đa dạng sinh học.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh, hình để tìm hiểu tính đa dạng, sự thích nghi và tầm quan trọng thực tiễn của những đại diện ĐV KXS có tại địa phương. Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **34,**  **35** | Mục II. Sự thích nghi của động vật không xương sống: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 36 | Kiểm tra học kỳ I | - Đánh giá kết quả học tập của HS ở học kỳ I  - HS thấy được kết quả học tập thông qua bài kiểm tra để điều chỉnh việc học ở học kỳ II  - Rèn kĩ năng suy nghĩ tư duy độc lập, tự đánh giá.  - Giáo dục ý thức nghiêm túc không quay cóp, gian lận trong trong kiểm tra, thi cử. | 1tiết | **Viết** | **36** |  |
| **HỌC KỲ II** | | | | | | |
| **Lớp lương cư**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP LƯỠNG CƯ( 2 TIẾT GỒM BÀI 35 VÀ 37)** | | | | | | |
| 37 | Bài 35: Ếch đồng. | *-* HS nắm vững các đặc điểm đời sống của ếch đồng. Mô tả đ­ược đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch thích nghi với đời sống vừa ở n­ớc vừa ở cạn, biết đ­ược sự sinh sản và phát triển của ếch.  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực, hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng say mê yêu thích bộ môn.  - GD ý thức bảo vệ động vật có ích. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **37** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp lưỡng cư. |
| 38 | Bài 36: *Thực hành:* Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ. |  |  |  |  | Cả bài: Không thực hiện |
| 39 | Bài 37: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư. | - HS trình bày được sự đa dạng của lưỡng cư về thành phần loài môi trường sống và tập tính của chúng.  - Hiểu được vai trò của lưỡng cư với đời sống và tự nhiên. trình bày được đặc điểm chung của lưỡng cư  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát hình ảnh để tìm hiểu sự đa dạng về thành phần loài và môi trường sống, đặc điểm chung về cấu tạo, hoạt động sống và vai trò của lưỡng cư đối với đời sống.  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng so sánh phân tích, khái quát để rút ra đặc điểm chung của lớp lưỡng cư.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp.  - GD ý thức bảo vệ động vật có ích | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập. | **38** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp lưỡng cư.  - Mục III. Đặc điểm chung của Lưỡng cư: Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong. |
| **Lớp bò sát**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP BÒ SÁT( 2 TIẾT GỒM BÀI 38 VÀ 40)** | | | | | | |
| 40 | Bài 38: Thằn lằn bóng đuôi dài. | -HS nắm vững các đặc điểm đời sống của thằn lằn. giải thích đ­ược các đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn. Mô tả đ­ược cách di chuyển của thằn lằn.  Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng hoạt động nhóm  *-* GD ý thức bảo vệ động vật có ích | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **39,**  **40** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp  **Bò sát** |
| 41 | Bài 39: Cấu tạo trong của thằn lằn. |  |  |  |  | Cả bài: Không dạy |
| 42 | Bài 40: Đa dạng và đặc điểm của lớp Bò sát. | *-* HS trình bày đ­ược các đặc điểm cấu tạo trong của thằn lằn phù hợp với đời sống hoàn toàn ở cạn. So sánh đ­ược l­ưỡng cư­ để thấy đ­ược sự hoàn thiện của các cơ quan.  - Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng hoạt động nhóm  GD ý thức yêu thích môn học | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **41** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp  **Bò sát.**  **-** Mục III. Đặc điểm chung: Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo  trong. |
| **Lớp chim**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP CHIM( 4 TIẾT GỒM BÀI 41, 44 VÀ 45)** | | | | | | |
| 43 | Bài 41: Chim bồ câu. | - HS trình bày đ­ược đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu. Giải thích các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay .  - Phân biệt đ­ược kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay l­ượn.  *-* Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng hoạt động nhóm  - GD tính yêu thích bộ môn, biết bảo vệ những động vật có ích | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **42** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp  **chim** |
| 44 | Bài 42: *Thực hành:* Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim bồ câu. |  |  |  |  | Cả bài: Không thực hiện |
| 45 | Bài 43: Cấu tạo trong của chim bồ câu. |  |  |  |  | Cả bài: Không dạy |
| 46 | Bài 44: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim. | - Trình bày được các đặc điểm đặc trưng của các nhóm chim thích nghi với đời sống từ đó thấy được sự đa dạng của chim.  - Nêu được đặc điểm chung và vai trò của chim.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh. Kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức bảo vệ các loài chim có lợi.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **43** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp  **chim**  -Mục II. Đặc điểm chung của Chim: Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo  trong. |
| 47 | Bài 45: *Thực hành:* Xem băng hình về đời sống và tập tính của chim. | - Nhận biết được đời sống và một số tập tính của chim bồ câu  - Kĩ năng nắm bắt nội dung thông qua kênh hình và rèn kĩ năng hoạt đông. hợp tác với nhóm.  - Có thái độ nghiêm túc tỉ mỉ trong quá trình quan sát.  - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề:  - Năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác  - Năng lực tìm kiếm thông tin trên internet | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòng máy KTĐG qua sản phẩm học tập. | **44,**  **45** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về lớp  **chim** |
| **Lớp thú**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LỚP THÚ( 7 TIẾT GỒM BÀI 48, 49, 50, 51 VÀ 52)** | | | | | | |
| 48 | Bài 46: Thỏ. | - HS nắm được những đặc điểm đời sống và hình thức sinh sản của thỏ.  - HS thấy được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết kiến thức.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học, bảo vệ động vật.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **46** |  |
| 49 | Bài 47: Cấu tạo trong của thỏ. |  |  |  |  | -Cả bài: Không dạy |
| 50 | Bài 48: Đa dạng của lớp Thú Bộ thú huyệt, bộ thú túi. | - HS nắm được sự đa dạng của lớp thú thể hiện ở số loài, số bộ, tập tính của chúng.  - Giải thích được sự thích nghi về hình thái, cấu tạo với những điều kiện sống khác nhau.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh và kĩ năng hoạt động nhóm.  **-** Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập. | **47** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về các bộ của lớp thú.  -Mục II. Lệnh ▼ trang 157: Không thực hiện |
| 51 | Bài 49: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Bộ Dơi và bộ Cá voi. | - HS nêu được đặc điểm cấu tạo của dơi và cá voi phù hợp với điều kiện sống.  - Thấy được 1 số tập tính của dơi và cá voi.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **48** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về các bộ của lớp thú.  -Mục II. Lệnh ▼ trang 160-161: Không thực hiện |
| 52 | Bài 50: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt. | - HS nắm được cấu tạo thích nghi với đời sống của bộ thú ăn sâu bọ, bộ thú gặm nhấm và bộ thú ăn thịt.  - HS phân biệt được từng bộ thú thông qua những đặc điểm cấu tạp đặc trưng.  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm kiến thức.  - Kĩ năng thu thập thông tin và kĩ năng hoạt động nhóm.  Giáo dục ý thức tìm hiểu thế giới động vật để bảo vệ loài có lợi.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **49** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về các bộ của lớp thú.  -Mục III. Lệnh ▼ trang 164: Không thực hiện |
| 53 | Bài 51: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng. | - HS nắm được những đặc điểm cơ bản của thú móng guốc và phân biệt được bộ móng guốc chẵn với bộ móng guốc lẻ.  - Nêu được đặc điểm bộ linh trưởng, phân biệt được các đại diện của bộ linh trưởng.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  Giáo dục ý thức yêu quý và bảo vệ động vật rừng.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **50** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về các bộ của lớp thú.  -Mục II. Lệnh ▼ trang 168: Không thực hiện  -Mục IV. Đặc điểm chung của ThúKhông dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong. |
| 54 | Bài 52: *Thực hành*: Xem băng hình về đời sống và tập tính của Thú. | - Giúp HS củng cố và mở rộng bài học về các môi trường sống và tập tính của thú.  - Rèn kĩ năng quan sát hoạt động của thú trên phim ảnh.  - Kĩ năng nắm bắt nội dung thông qua kênh hình.  Giáo dục ý thức yêu quý và bảo vệ động vật rừng.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **51,**  **52** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu về các bộ của lớp thú. |
| 55 | Ôn tập. | - Nêu lại những kiến thức đã học trong ngành ĐVCXS  - Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng thực tế.  - Rèn luyện kỹ năng so sánh, diễn đạt.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớpKTĐG qua sản phẩm học tập | **53,**  **54** |  |
| 56 | Kiểm tra 1 tiết | - Kiểm tra kiến thức kiến thức đã học ở chương VI.  - Thông qua bài kiểm tra giáo viên đánh giá được kết quả học tập của học sinh về kiến thức và kĩ năng vận dụng.  - Đồng thời giáo viên rút ra được những nội dung cần điều chỉnh trong phương pháp dạy và học của mình  - HS thấy được kết quả học tập thông qua bài kiểm tra để điều chỉnh việc học ở học kỳ II  Rèn kĩ năng suy nghĩ tư duy độc lập, tự đánh giá.  - Giáo dục ý thức nghiêm túc không quay cóp, gian lận trong trong kiểm tra, thi cử. Trình bày rõ ràng, đẹp, đúng yêu cầu đề ra. | 1tiết | Viết | **55** |  |
| **CHƯƠNG VII. SỰ TIẾN HOÁ CỦA ĐỘNG VẬT** | | | | | | |
| 57 | Bài 53: Môi trường sống và sự vận động, di chuyển | -Học sinh nêu lên được sự tiến hoá thể hiện ở sự di chuyển,vận động cơ thể  - Nêu được các hình thức di chuyển ở một số loài động vật điển hình.  - Nêu được sự tiến hoá cơ quan di chuyển.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. |  | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **56** |  |
|  | Bài 54: Tiến hoá về tổ chức cơ thể. |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 58 | Bài 55: Tiến hoá về sinh sản. | - Học sinh nắm được sự tiến hóa các hình thức sinh sản ở động vật từ đơn giản đến phức tạp (sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính).  - HS thấy được sự hoàn chỉnh các hình thức sinh sản hữu tính  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu về sự tiến hóa về vận động, di chuyển  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm lớp.  Giáo dục ý thức bảo vệ động vật đặc biệt trong mùa sinh sản | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **57** |  |
| 59 | Bài 56: Cây phát sinh giới Động vật. | **-** Nêu được mối quan hệ và mức độ tiến hóa của các ngành, các lớp động vật trên cây tiến hóa trong lịch sử phát triển của thế giới động vật – cây phát sinh động vật.  **-** Kĩ năng tìm kiếm và phân tích thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh, tìm kiếm kiếm thông tin trên cây phát sinh động vật để tìm hiểu về nguồn gốc và độ tiến hóa của động vật.  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp .  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **58** | Mục I. Bằng chứng về mối quanhệ giữa các nhóm động vật: Không dạy |
| **CHƯƠNG VIII. ĐỘNG VẬT VÀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI** | | | | | | |
| 60 | Bài 57: Đa dạng sinh học. | - Nêu được khái niệm về đa dạng sinh học. Ý nghĩa của bảo vệ đa dạng sinh học.  - Học sinh hiểu đ­ược đa dạng sinh học thể hiện ở số loài, khả năng thích nghi cao của động vật với các điều kiện sống khác nhau.  - Kĩ năng hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập nhóm.  - Kĩ năng tư duy phê phán những hành vi làm suy giảm  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tich cực  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thơng tin khi đọc SGK để tìm hiểu sự đa dạng của động vật ở mơi trường đới lạnh và đới nóng; những lợi ích của đa dạng sinh học; về nguy cơ suy giảm và nhiệm vụ bảo vệ sự đa dạng sịnh học là của toàn dân.  Giáo dục lòng yêu thích môn học, khám phá tự nhiên. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **59** |  |
| 61 | Bài 58: Đa dạng sinh học (tiếp theo). | - Học sinh biết đ­ược sự đa dạng sinh học ở môi tr­ường nhiệt đới gió mùa cao hơn ở đới lạnh và hoang mạc đới nóng là do khí hậu phù hợp với mọi loài sinh vật.  - Học sinh chỉ ra đ­ược những lợi ích của đa dạng sinh học trong đời sống, nguy cơ suy giảm và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.  - Kĩ năng hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập nhóm.  - Kĩ năng tư duy phê phán những hành vi làm suy giảm  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tich cực  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu sự đa dạng của động vật ở mơi trường nhiệt đới gió mùa; những lợi ích của đa dạng sinh học; về nguy cơ suy giảm và nhiệm vụ bảo vệ sự đa dạng sinh học là của toàn dân.  - Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên đất n­ước | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **60** |  |
| 62 | Bài 59 :Biện pháp đấu tranh sinh học. | - Học sinh nắm đ­ược khái niệm đấu tranh sinh học.  - Thấy đ­ược các biện pháp chính trong đấu tranh sinh học là sử dụng các loại thiên địch.  - Nêu đ­ược những ­ưu điểm và nh­ược điểm của biện pháp đấu tranh sinh học.  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh, tìm kiếm thông tin trên internet để tìm hiểu khái niệm về đấu tranh sinh học và các biện pháp đấu tranh sinh học cũng như ưu điểm và hạn chế của các biện pháp đấu tranh sinh học.  - Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  Giáo dục ý thức bảo vệ động vật, môi tr­ường. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **61** |  |
| 63 | Bài 60: Động vật quý hiếm. | - HS nắm được khái niệm về động vật quí hiếm. Thấy được mức độ tuyệt chủng của các động vật quí hiếm ở VN từ đó đề ra biện pháp bảo vệ động vật quí hiếm  của biện pháp đấu tranh sinh học  **-** Rèn kĩ năng quan sát so sánh, phân tích tổng hợp, kĩ năng hoạt động nhóm  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích môn học, bảo vệ môi trường , ý thức bảo vệ động vật quí hiếm.  - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **62** |  |
| 64 | Bài 61,62: Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng trong kinh tế ở địa phương. | **-** Kiểm tra hs một số kiến thức cơ bản nhằm đánh giá khả năng tiếp thu và cách trình bày bài học về động vật có xương sống.  - Vai trò của động vật đối với đời sống con người. Nêu được tầm quan trọng của một số động vật đối với nền kinh tế địa phương và trên thế giới.  **-** Kỹ năng làm bài  - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh, tìm kiếm thơng tin trên internet để tìm hiểu về một số động vật có tầm quan trọng đối với kinh tế ở địa phương.  - Kĩ năng tự tin khi đi điều tra.  - Kĩ năng hợp tác, thuyết phục người khác.  - Kĩ năng viết báo cáo và báo cáo kết quả. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớpKTĐG qua sản phẩm học tập | **63,**  **64** |  |
| 65 | Bài 63: Ôn tập học kỳ II. | - Học sinh nêu đ­ược sự tiến hoá của giới động vật từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.  - Học sinh thấy rõ đ­ược đặc điểm thích nghi của động vật với môi tr­ường sống.  - Chỉ rõ giá trị nhiều mặt của giới động vật  - Rèn kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm  Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp KTĐG qua sản phẩm học tập | **65,**  **66** |  |
| 66 | Kiểm tra học kỳ II. | **-** Thông qua tiết kiểm tra học kỳ nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức của hs thông qua ngành ĐVKXS và ĐVCXS  **-** Rèn luyện kỹ năng tư duy, khái quát, vận dụng  **-** Gd hs ý thức cẩn thận và trình bày bài. | 1tiết | **Viết** | **67** |  |
| 67 | Bài 64 - 66: *Thực hành*: Tham quan thiên nhiên | - Biết chuẩn bị cho một buổi hoạt động học tập ngoài trời với nhiều dụng cụ, phương tiện cho hoạt động khoa học cũng như hoạt động cá nhân để đề phòng các rủi ro .  - Làm quen với phương pháp quan sát động vật, ghi chép các thu hoạch ngoài thiên nhiên.  - Biết cách sử dụng các dụng cụ thích hợp để thu thập mẫu vật động vật rồi lựa chọn cách xử lí thích hợp để làm thành mẫu vật, tiêu bản cần thiết cho việc quan sát cần thiết ở ngoài thiên nhiên.  - Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, năng động khi TQTN, đồng thòi có thái độ thận trọng trong giao tiếp với động vật nhằm bảo vệ cho tài nguyên thiên nhiên bền vững. | 3 tiết | Tổ chức hoạt độngtạivườn trường KTĐG qua sản phẩm học tập và HĐ nhóm. | **68**  **,69**  **,70** |  |

**III. LỚP 8:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết**  (ghi thứ tự tiết) | **Ghi chú** |
| **HỌC KỲ I** | | | | | |  |
| 1 | Bài 1: Bài mở đầu. | - HS nêu được mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học.  - *X*ác định được vị trí của con người trong tự nhiên.  - Trình bày được các phương pháp học tập đặc thù của môn học.  *:* Rèn kĩ năng hoạt động nhóm, kĩ năng tư duy phân tích.  Có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh cơ thể.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **1** |  |
| **CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI** | | | | | | |
| 2 | Bài 2: Cấu tạo cơ thể người. | - HS kể và xác định được tên, vị trí của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể, chức năng của từng hệ cơ quan.  - Nêu rõ được tính thống nhất trong hoạt động của các hệ cơ quan dưới sự chỉ huy của hệ thần kinh và hệ nôi tiết.  Rèn luyện KN quan sát, nhận biết kiến thức, tư duy tổng hợp logic, hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ cơ thể tránh tác động mạnh vào một số cơ quan.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **2** |  |
| 3 | Bài 3: Tế bào. | *-* HS trình bày được các thành phần cấu tạo của tế bào phù hợp với chức năng của chúng.  - Xác định được tế bào là đơn vị cấu tạo và là đơn vị chức năng của cơ thể.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  *-* Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **3** | -Mục II. Lệnh ▼ trang 11: Không thực hiện  -Mục III. Thành phần hóa học của tế bào: Không dạy |
| 4 | Bài 4: Mô. | - HS trình bày được khái niệm mô. Kể tên các loại mô chính.  - Phân biệt được các loại mô chính, cấu tạo và chức năng các loại mô.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **4** | -Mục II. Các loại mô: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài.  -Mục I. Lệnh ▼ trang 14; Mục II.1. Lệnh ▼ trang 14; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 15; Mục II.3. Lệnh ▼ trang 15: Không thực hiện |
| 5 | Bài 5: *Thực hành:* Quan sát tế bào và mô. | - Củng cố kiến thức về TB, mô, các cơ quan  - Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời mô cơ vân.  - Quan sát và vẽ các tế bào trong tiêu bản đã làm sẵn. Phân biệt các bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, tế bào chất và nhân.  - Phân biệt được điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngphòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH. | **5** |  |
| 6 | Bài 6: Phản xạ. | - Trình bày được cấu tạo và chức năng cơ bản của nơron.  - Chỉ rõ 5 thành phần của 1 cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ.  - Chứng minh phản xạ là cơ sở của mọi hoạt động của cơ thể bằng các ví dụ cụ thể  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **6** | -Mục I. Lệnh ▼ trang 21; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 21: Không thực hiện  -Mục II.3. Vòng phản xạ: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| **CHƯƠNG II. VẬN ĐỘNG**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: VẬN ĐỘNG( 6 TIẾT GỒM BÀI 7, 8, 9, 10, 11 VÀ 12)** | | | | | | |
| 7 | Bài 7: Bộ xương. | - Nêu được ý nghĩa của hệ vận động trong đời sống.  -Trình bày được các thành phần chính của bộ xương và xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình.  - Phân biệt được các loại xương, các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **7** | - Tích hợp thành chủ đề vận động.  -Mục II. Phân biệt các loại xương: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 8 | Bài 8: Cấu tạo và tính chất của xương. | - Mô tả được cấu tạo chung 1 xương dài. Từ đó giải thích được sự lớn lên của xương và khả năng chịu lực của xương.  - XĐ được thành phần của xương để chứng minh được tính đàn hồi và cứng rắn của xương.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **8** | -Mục I. Cấu tạo của xương; Mục III. Thành phần hóa học và tính  chất của xương: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài.  - Tích hợp thành chủ đề vận động. |
| 9 | Bài 9: Cấu tạo và tính chất của cơ. | - Trình bày được đặc điểm cấu tạo của tế bào cơ và của bắp cơ.  - Giải thích được tính chất cơ bản của cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **9** | -Mục I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ: Khuyến khích học sinh tự đọc  - Tích hợp thành chủ đề vận động. |
| 10 | Bài 10: Hoạt động của cơ. | **-** HS chứng minh được cơ co sinh ra công. Công của cơ được sử dụng trong lao động và di chuyển.  - Trình bày được nguyên nhân sự mỏi cơ và nêu biện pháp chống mỏi cơ.  - Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ, từ đó vận dụng vào đời sống, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao và lao động vừa sức.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **10** | -Mục I. Công cơ: Không dạy  -Mục II. Lệnh ▼ trang 34: Không thực hiện |
| 11 | Bài 11: Tiến hoá của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động. | - HS chứng minh được tiến hoá của người so với động vật thể hiện ở hệ cơ, xương.  - Vận dụng những hiểu biết về hệ vận động để giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể, chống bệnh tật về cơ xương thường xảy ra ở tuổi thiếu niên.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **11** | -Mục I. Bảng 11.: Không thực hiện  -Mục II. Sự tiến hóa của hệ cơ người so với hệ cơ thú: Không dạy  - Tích hợp thành chủ đề vận động. |
| 12 | Bài 12: *Thực hành:* Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương. | - Thực hiện được các thao tác sơ cứu khi gặp người gãy xương.  - Thực hiện được các thao tác băng cố định xương bị gãy, cụ thể xương cẳng tay, cẳng chân.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm học tập và làm TH . | **12** | - Tích hợp thành chủ đề vận động. |
| **CHƯƠNG III. TUẦN HOÀN**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN ( 7 TIẾT GỒM BÀI 13, 14, 15, 16, 17, 18 VÀ 19)** | | | | | | |
| 13 | Bài 13: Máu và môi trường trong cơ thể. | - HS phân biệt được các thành phần cấu tạo của máu.  - Trình này được chức năng của máu, nước mô và bạch huyết.  - Phân biệt được máu, nước mô, bach huyết. Trình bày được vai trò của huyết tương trong cơ thể.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **13** | -Mục I.1. Nội dung ■ Thí nghiệm: Giáo viên mô tả thí nghiệm, không yêucầu học sinh thực hiện.  - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 14 | Bài 14: Bạch cầu - Miễn dịch. | - HS nêu được ba hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân gây nhiễm.  - Trình bày được khái niệm miễn dịch.  - Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **14** | - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 15 | Bài 15: Đông máu và nguyên tắc truyền máu. | - HS trình bày được cơ chế đông máu và vai trò của nó trong bảo vệ cơ thể.  - Trình bày được các nguyên tắc truyền máu và cơ sở khoa học của nó.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **15** | - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 16 | Bài 16: Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết. | - Trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng.  - Nêu được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp;KTĐG qua sản phẩm học tập . | **16** | -Mục II. Lệnh ▼ trang 52: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 17 | Bài 17: Tim và mạch máu. | - Trình bày được trên tranh hay mô hình cấu tạo ngoài và trong của tim.  - Phân biệt được các loại mạch mạch máu.  - Trình bày được đặc điểm của các pha trong chu kì co giãn tim.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **17** | * Mục I. Lệnh ▼ trang54; Bảng 17.1; Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3   Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 18 | Bài 18: Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn. | - Trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch.  - Chỉ ra được các tác nhân gây hại cũng như các biện pháp phòng tránh, rèn luyện hệ tim mạch.  - Có ý thức phòng tránh các tác nhân gây hại và ý thức rèn luyện hệ tim mạch.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **18** | - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 19 | Bài 19: *Thực hành*: Sơ cứu cầm máu. | - Trình bày các thao tác sơ cứu khi chảy máu và mất nhiều máu;  - Phân biệt vết thương làm tổn thương động mạch, tĩnh mạch, mao mạch | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòng TH; KTĐG qua sản phẩm TH . | 19 | - Tích hợp thành chủ đề tuần hoàn. |
| 20 | Ôn tập | - HS biết kiến thức của HS đã học ở chương I, II, III: Khái quát cơ thể người, vận động, tuần hoàn về đặc điểm: cấu tạo, chức năng sinh lý, vệ sinh.......  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **20** |  |
| 21 | Kiểm tra 1 tiết | - Đánh giá HS về kiến thức, KN, thái độ và các năng lực định hướng phát triển:  + Chương I: Nhận biết phản xạ và đường đi của xung TK trong phản xạ cụ thể  + Chương II: Hiểu biết về bộ xương, vận dụng kiến thức vào thực tế  + Chương III: Tuần hoàn  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **21** |  |
| **CHƯƠNG IV: HÔ HẤP**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: HÔ HẤP ( 4 TIẾT GỒM BÀI 20, 21, 22 VÀ 23)** | | | | | | |
| 22 | Bài 20: Hô hấp và các cơ quan hô hấp. | - HS nêu được khái niệm hô hấp và vai trò của hô hấp với cơ thể sống.  - Chỉ rõ được được trên hình các cơ quan trong hệ hô hấp người, nêu được các chức năng của chúng  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **22** | -Mục II. Bảng 20.: Khuyến khích học sinh tự đọc  -Mục II. Lệnh ▼ trang 66; Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện  - tích hợp thành chủ đề hô hấp |
| 23 | Bài 21: Hoạt động hô hấp. | - Nêu được các đặc điểm chủ yếu trong cơ chế thông khí ở phổi.  - Trình bày cơ chế trao đổi khí ở phổi và ở tế bào.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **23** | -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện  - tích hợp thành chủ đề hô hấp |
| 24 | Bài 22: Vệ sinh hô hấp. | - Nêu được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm không khí đối với hoạt động hô hấp.  - Giải thích được cơ sở khoa học của việc luyện tập TDTT, tự đề ra các biện pháp luyện tập để có hê hô hấp khoẻ mạnh. Tích cực phòng tránh các tác nhân có hại.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **24** | - Tích hợp thành chủ đề hô hấp |
| 25 | Bài 23: *Thực hành:* Hô hấp nhân tạo. | - Nêu được cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo.  - Trình bày và thực hiện được trình tự các bước tiến hành hô hấp nhân tạo.  - Thực hiện được phương pháp hà hơi thổi ngạt và phương pháp ấn lồng ngực.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **25** | - Tích hợp thành chủ đề hô hấp |
| **CHƯƠNG V: TIÊU HÓA**  **CHỦ ĐỀ DẠY HỌC: TIÊU HÓA ( GỒM 7 TIẾT: BÀI 24, 25, 26, 27, 28, 29 VÀ 30)** | | | | | | |
| 26 | Bài 24: Tiêu hoá và các cơ quan tiêu hoá; | - Nêu được các nhóm chất trong thức ăn.  - Trình bày các hoạt động trong quá trình tiêu hoá. Vai trò của tiêu hoá đối với cơ thể người. Xác định vị trí của các cơ quan trên tranh, mô hình.  - Trình bày được các hoạt động tiêu hoá xảy ra trong khoang miệng, hoạt động nuốt, đẩy thức ăn qua thực quản xuống dạ dày.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **26** | - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| 27 | Bài 25: Tiêu hoá ở khoang miệng. | - Trình bày được các hoạt động tiêu hoá xảy ra trong khoang miệng, hoạt động nuốt, đẩy thức ăn qua thực quản xuống dạ dày.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo. | 2tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **27, 28** | - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| 28 | Bài 26: *Thực hành:* Tìm hiểu hoạt động của enzim trong nước bọt. |  |  |  |  | Cả bài: Không thực hiện |
| 29 | Bài 27: Tiêu hoá ở dạ dày. | - Nêu được cấu tạo của dạ dày.  - Trình bày được quá trình tiêu hoá diễn ra ở dạ dày.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **29** | -Mục I. Lệnh ▼ trang 87, ý 2 (Căn cứ…): Không dạy  - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| 30 | Bài 28: Tiêu hoá ở ruột non. | - Nêu được cấu tạo của ruột non  - Trình bày được quá trình tiêu hoá diễn ra ở ruột non.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **30** | -Mục I. Lệnh ▼ trang 90: Không thực hiện  - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| 31 | Bài 29: Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân. | - Trình bày được những đặc điểm của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ các chất dinh dưỡng.  - Kể được các con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột tới các cơ quan tế bào.  - Nêu được vai trò đặc biệt của gan trên con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng; Trình bày được vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hoá của cơ thể.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **31** | -Mục I. Hình 29.1; Mục I. Hình 29.2 và nội dung liên quan: Không dạy  - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| 32 | Bài 30: Vệ sinh tiêu hoá. | - Kể được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá và mức độ tác hại của nó.  - Trình bày được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá và đảm bảo sự tiêu hoá có hiệu quả.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **32** | - Chủ đề dạy học tiêu hóa |
| **CHƯƠNG VI. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG** | | | | | | |
| 33 | Bài 31: Trao đổi chất. | - Phận biệt được TĐC giữa cơ thể và môi trường ngoài với sự TĐC ở cấp độ tế bào.  - Trình bày được mối liên quan giữa trao đổi chất ở cấp độ cơ thể với trao đổi chất ở cấp độ  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. tế bào. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **33** |  |
| 34 | Bài 32: Chuyển hoá. | - Trình bày được sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tế bào gồm hai quá trình đồng hoá và dị hoá, là hoạt động cơ bản của sự sống.  - HS phân tích được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **34** | -Mục I. Lệnh ▼ trang 103; Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3 và câu 4\*: Không thực hiện |
| 35 | Bài 35: Ôn tập học kỳ I. | - Trình bày kiến thức học kì có hệ thống bằng BĐTD  - Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **35** | Cả bài: Không ôn tập những nội dung đã tinh giản. |
| 36 | Kiểm tra học kỳ I. | - Vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì I để trả lời các câu hỏi  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | Viết | ĐG qua sản phẩm | **36** |  |
| **HỌC KỲ II** | | | | | | |
| 37 | Bài 33: Thân nhiệt. | - Nêu được khái niệm thân nhiệt và các cơ chế điều hoà thân nhiệt.  - Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng vào đời sống các biện pháp chống nóng, lạnh, đề phòng cảm nóng, lạnh.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **37** |  |
| 38 | Bài 34: Vitamin và muối khoáng. | - Trình bày được vai trò của vitamin và muối khoáng.  - Vận dụng những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong lập khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn uống hợp lí.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **38** |  |
| 39 | Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần. | - Nêu được nguyên nhân của sự khác nhau về nhu cầu dinh dưỡng ở các đối tượng khác nhau.  - Phân biệt được giá trị dinh dưỡng có ở các loại thực phẩm chính.  - Trình bày được cơ sở và nguyên tắc xác định khẩu phần. Vận dụng xác định khẩu phần cho bản thân  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **39** |  |
| 40 | Bài 37: *Thực hành*: Phân tích một khẩu phần cho trước. | **-** Nêu được các bước lập khẩu phần dựa trên các NT thành lập KP.  - Đánh giá được định mức đáp ứng của một khẩu phần mẫu và dựa vào đó xây dựng khẩu phần hợp lí cho bản thân.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **40** |  |
| **CHƯƠNG VII: BÀI TIẾT**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: BÀI TIẾT( 3 TIẾT GỒM BÀI 38, 39 VÀ 40)** | | | | | | |
| 41 | Bài 38: Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu | - Nêu rõ vai trò của sự bài tiết;  - Mô tả cấu tạo của thận và chức năng lọc máu tạo thành nước tiểu;  - Xác định được cấu tạo hệ bài tiết trên hình vẽ và biết trình bày bằng lời cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập | **41** | -Mục II. Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu: Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.  - Tích hợp thành chủ đề bài tiết. |
| 42 | Bài 39: Bài tiết nước tiểu | - Trình bày được cấu tạo của thận liên quan đến chức năng lọc máu tạo thành nước tiểu;  - Trình bày được: Quá trình tạo thành nước tiểu, Thực chất quá trình tạo thành nước tiểu, Quá trình thải nước tiểu  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập | **42** | -Mục I. Tạo thành nước tiểu: Không dạy chi tiết, chỉ dạy sự tạo thành nước tiểu ở phần chữ đóng khung ở cuối bài.  -Mục II. Lệnh ▼ trang 127: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề bài tiết. |
| 43 | Bài 40: vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu | - Kể một số bệnh về thận và đường tiết niệu. Cách phòng tránh các bệnh này;  - Trình bày được các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu và giải thích cơ sở khoa học của chúng.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập | **43** | - Tích hợp thành chủ đề bài tiết. |
| **CHƯƠNG VIII: DA**  **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: DA( 2 TIẾT GỒM BÀI 41 VÀ 42)** | | | | | | |
| 44 | Bài 41: Cấu tạo và chức năng của da. | - Mô tả được cấu tạo của da.  - Trình bày được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của da.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **44** | -Mục I. Cấu tạo của da: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu cấu tạo ở phần chữ đóng khung ở cuối bài.  - Tích hợp thành chủ đề |
| 45 | Bài 42: Vệ sinh da. | - Trình bày được cơ sở khoa học của các biện pháp bảo vệ da, rèn luyện da.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **45** | - Tích hợp thành chủ đề |
| **CHƯƠNG IX: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN** | | | | | | |
| 46 | Bài 43: Giới thiệu chung hệ thần kinh. | - Trình bày được cấu tạo và chức năng của nơron, đồng thời xác định rõ nơron là đơn vị cấu tạo cơ bản của hệ thần kinh.  - Phân biệt được các thành phần dựa vào cấu tạo và dựa vào chức năng của hệ thần kinh (bộ phận trung ương và bộ phận ngoại biên và TKSD và TKCX).  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **46** | -Mục I. Nơron - đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh: Không dạy |
| 47 | Bài 44: *Thực hành:* Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tuỷ sống. | - Tiến hành thành công các thí nghiệm quy định.  - Từ thí nghiệm và kết quả quan sát:  + Nêu được chức năng của tuỷ sống  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại phòn TH; KTĐG qua sản phẩm hlàm TH . | **47** | -Mục III.2. Nghiên cứu cấu tạo của tủy sống: Không dạy |
| 48 | Bài 45: Dây thần kinh tuỷ. | - Nêu được cấu tạo và chức năng của dây thần kinh tuỷ.  - Giải thích được vì sao dây thần kinh tuỷ là dây pha.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **48** |  |
| 49 | Bài 46: Trụ não, tiểu não, não trung gian. | - Chỉ rõ được vị trí và các thành phần của trụ não.  - Trình bày được chức năng chủ yếu của trụ não.  - Nêu được vị trí, chức năng của tiểu não và não trung gian.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **49** | -Mục II, Mục III và Mục IV: Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy vị trí và chức năng các phần.  -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1; Không thực hiện |
| 50 | Bài 47: Đại não. | - Nêu được cấu tạo của đại não người, đặc biệt là vỏ đại não thể hiện sự tiến hoá so với động vật lớp thú.  - Chỉ được các vùng chức năng của vỏ đại não người trên kênh hình.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **50** | -Mục II. Lệnh ▼ trang 149: Không dạy |
| 51 | Bài 48: Hệ thần kinh sinh dưỡng. | - Phân biệt được phản xạ sinh dưỡng và phản xạ vận động.  - Phân biệt được bộ phận giao cảm với bộ phận đối giao cảm trong hệ thần kinh sinh dưỡng về cấu tạo và chức năng.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **51** | -Mục I. Hình 48.2 và nội dung liên quan trong lệnh ▼; Mục II. Bảng 48.1 và nội dung liên quan; Mục III. Bảng 48.2 và nội dung liên quan: Không dạy  -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện  -Các nội dung còn lại của bài: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài. |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: CƠ QUAN PHÂN TÍCH( 3TIẾT GỒM BÀI 49, 50 VÀ 51)** | | | | | |
| 52 | Bài 49: Cơ quan phân tích thị giác. | - Nêu được thành phần của một cơ quan phân tích. Nêu được ý nghĩa của các cơ quan phân tích đối với cơ thể.  - Nêu được các thành phần chính của cơ quan phân tích thị giác, nêu rõ được cấu tạo của màng lưới trong cầu mắt.  - Giải thích được cơ chế điều tiết của măt để nhìn rõ vật.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **52** | -Mục II.1. Hình 49.3 và các nội dung liên quan: Không dạy  -Mục II.2. Cấu tạo của màng lưới: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các thành phần của màng lưới.  -Mục II. Lệnh ▼ trang 156: Không thực hiện  -Mục II.3. Lệnh ▼ trang 157: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu cơ quan phân tích |  |  |  |
| 53 | Bài 50: Vệ sinh mắt. | - Nêu được các nguyên nhân của tật cận thị và viễn thị, cách khắc phục.  - Nêu được nguyên nhân của bệnh đau mắt hột, con đường lây truyền và cách phòng tránh -> giữ gìn vệ sinh mắt.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **53** | - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu cơ quan phân tích |  |  |  |
| 54 | Bài 51: Cơ quan phân tích thính giác. | - Kể được thành phần của cơ quan phân tích thính giác.  - Mô tả được các bộ phận của tai, cấu tạo của cơ quan Coocti trên tranh hoặc mô hình.  - Trình bày được quá trình thu nhận cảm giác âm thanh.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **54** | -Mục I. Hình 51.2. và các nội dung liên quan đến cấu tạo ốc tai; Không dạy  -Mục I. Lệnh ▼ trang 163: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu cơ quan phân tích |
| 55 | Bài 52: Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. | - Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.  - Trình bày được quá trình hình thành các phản xạ mới và ức chế các phản xạ cũ. Nêu rõ các điều kiện cần khi thành lập các phản xạ có điều kiện.  - Nêu rõ ý nghĩa của phản xạ có điều kiện với đời sống.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **55** |  |
| 56 | Kiểm tra 1 tiết. | - Kiểm tra sự nắm bắt kiến thức của học từ chương VII đến chương IX  - Qua kiểm tra phân luồng được học sinh để tìm biện pháp giảng dạy tốt hơn  - Rèn kĩ năng trình bày.  - Kĩ năng vận dụng kiến thức...  - Có ý thức học tập, nghiêm túc trong kiểm tra. | 1tiết |  | **56** |  |
| 57 | Bài 53: Hoạt động thần kinh cấp cao ở người. | - Phân tích được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các PXCĐK ở người với động vật nói chung và thú nói riêng.  - Trình bày được vai trò của tiếng nói, chữ viết và khả năng tư duy, trừu tượng ở người.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **57** |  |
| 58 | Bài 54: Vệ sinh hệ thần kinh. | - Nêu được ý nghĩa sinh học của giấc ngủ đối với sức khoẻ.  - Phân tích ý nghĩa của lao động và nghỉ ngơi hợp lí, tránh ảnh hưởng xấu tới hệ TK  - Chỉ ra được tác hại của ma tuý và các chất gây nghiện đối với sức khoẻ và hệ TK  - Xây dựng cho bản thân một kế hoạch học tập và nghỉ ngơi hợp lí, đảm bảo sức khoẻ.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **58** |  |
| **CHƯƠNG X: NỘI TIẾT** | | | | | | |
| 59 | Bài 55: Giới thiệu chung hệ nội tiết. | -Trình bày được sự giống và khác nhau giữa tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết.  -Nêu được các tuyến nội tiết chính của cơ thể và vị trí của chúng.  -Trình bày được tính chất và vai trò của các sản phẩm tiết của tuyến nội tiết, từ đó nêu rõ tầm quan trọng của tuyến nội tiết đối với đời sống.  -Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình.  -Kỹ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục lòng yêu thích bộ môn  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **59** |  |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: TÌM HIỂU MỘT SỐ TUYẾN NỘI TIẾT( 3 TIẾT GỒM BÀI 56, 57 VÀ 58)** | | | | | |
| 60 | Bài 56: Tuyến yên, tuyến giáp. | -Trình bày được vị trí, cấu tạo, chức năng của tuyến yên và tuyến giáp.  -Xác định rõ mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động của các tuyến với các bệnh do hoocmôn của các tuyến đó tiết ra quá ít hoặc quá nhiều.  -Rèn kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình.  -Rèn kỹ năng hoạt động nhóm.  -Giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ, bảo vệ cơ thể.  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **60** | -Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.  -Tích hợp thành chủ đề nội tiết |
| 61 | Bài 57: Tuyến tuỵ và tuyến trên thận. | -Phân biệt chức năng nội tiết và ngoại tiết của tuyến tụy dựa trên cấu tạo  -Sơ đồ hoá chức năng của tuyến tụy trong sự điều hoà đường huyết.  -Trình bày các chức năng của tuyến trên thận dựa trên cấu tạo của tuyến.  Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình.  -Giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ, bảo vệ cơ thể.  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **61** | chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.  -Tích hợp thành chủ đề nội tiết |
| 62 | Bài 58: Tuyến sinh dục. | -Trình bày được chức năng của tinh hoàn và buồng trứng.  -Kể tên các hooc môn sinh dục nam và nữ.  -Hiểu rõ ảnh hưởng của hooc môn sinh dục nam, nữ đến những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì.  -Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình.  -Giáo dục ý thức vệ sinh bảo vệ cơ thể*.*  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **62** | chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.  -Tích hợp thành chủ đề nội tiết |
| 63 | Bài 59: Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết. | -Nêu được ví dụ để chứng minh cơ chế tự điều hoà trong hoạt động nội tiết.  -Hiểu rõ được sự phối hợp trong hoạt động nội tiết để giữ vững tính ổn định của môi trường trong.  -Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình.  -Rèn luyện kỹ năng hoạt động nhóm.  -Giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ.  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **63** |  |
| **CHƯƠNG XI: SINH SẢN** | | | | | | |
| 64 | Bài 60,61: Cơ quan sinh dục nam;  Cơ quan sinh dục nữ. | - Trình bày được vị trí, cấu tạo chức năng của các bộ phận sinh dục nam, nữ  - Nêu được đặc điểm của tinh trùng, trứng, các hoocmôn ảnh hưởng đến sinh sản  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ - tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **64** |  |
| 65 | Bài 62: Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai. | - Nêu được khái niệm về thụ tinh và thụ thai  - Trình bày được điều kiện thụ tinh, sự phát triển và nuôi dưỡng thai.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **65** |  |
| 66 | Bài 63: Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai. | - Phân tích được ý nghĩa của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong kế hoạch hoá gia đình. Thấy rõ được những nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên.  - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai, từ đó xác định được các nguyên tắc cần tuân thủ để tránh thai.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. |  | 1tiết | **66** |  |
| 67 | Bài 66: Ôn tập học kỳ II | Hệ thống hoá kiến thức đã học trong học kì II.  Nắm chắc kiến thức cơ bản trong chương trình sinh học lớp 8.  Rèn kỹ năng :  Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế, nối kết kiến thức.  Tư duy tổng hợp khái quát hoá.  Hoạt động nhóm .  Giáo dục ý thức học tập.  Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **67** |  |
| 68 | Kiểm tra học kỳ II | - Kiểm tra kiến thức, kỷ năng đã học trong học kì II.  - Kiểm tra kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.  -GD ý thức trung thực, nghiêm túc. | 1tiết | KTĐG qua sản phẩm học tập . | **68** |  |
| 69 | Bài 64: Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục). | - Phân biệt được nguyên nhân, triệu chứng, tác hại , cách phòng, điều trị bệnh lậu, giang mai, HIV-AIDS  - Kể được con đường lây truyền để tìm cách phòng ngừa đối với mỗi bệnh. Tự giác phòng tránh, sống lành mạnh, quan hệ tình dục an toàn.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức, tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.  - Năng lực chung: tự chủ -tự học, giao tiếp hợp tác, GQVĐ- sáng tạo.  - Năng lực đặc thù: nhận thức KHTN, tìm hiểu KHTN, vận dụng. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **69** |  |
| 70 | Bài 65: Đại dịch AIDS – Thảm họa của loài người. | Rèn kỹ năng:  -Tổng hợp khái quát hóa kiến thức, thu thập thông tin tìm ra kiến thức.  -Hoạt động nhóm.  -Giáo dục ý thức tự giác phòng tránh, sống lành mạnh.  -Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề  -Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1tiết | Tổ chức hoạt độngtại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tập . | **70** |  |

**IV. LỚP 9:**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết (PPCT)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I** | | | | | | |
| **PHẦN I. DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ** | | | | | | |
| **CHƯƠNG I. CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MEN ĐEN** | | | | | | |
| 1 | Bài 1: Menđen và di truyền học | - Học sinh trình bày được mục đích, nhiệm vụ và ý nghĩa của di truyền học.  - Hiểu được công lao to lớn và trình bày được phương pháp phân tích các thế hệ lai của Menđen.  - Hiểu và ghi nhớ một số thuật ngữ và kí hiệu trong di truyền học.  - Rèn kỹ năng quan sát và phân tích.  - Phát triển tư duy phân tích so sánh.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lục giao tiếp | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 1 | -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không thực hiện |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LAI MỘT CẶP TÍNH TRẠNG( 2 TIẾT GỒM BÀI 2 VÀ 3)** | | | | | |
| 2 | Bài 2: Lai một cặp tính trạng ( t1) | - Học sinh trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Menđen.  - Hiểu và ghi nhớ các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.  - Hiểu và phát biểu được nội dung quy luật phân li.  - Giải thích được kết quả thí nghiệm theo quan điểm của Menđen.  - Rèn kĩ năng phân tích số liệu và kênh hình.  - Củng cố niềm tin khoa học khi nghiên cứu tính quy luật của hiện tượng di truyền.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lục giao tiếp tư duy sáng tạo, | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 2 | -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề lai Một cặp tính trạng. |
| 3 | Bài 3. Lai một cặp tính trạng (tiếp theo). | - Giải thích được kết quả thí nghiệm theo quan điểm của Menđen.  - Học sinh hiểu và trình bày được nội dung, mục đích và ứng dụng của các phép lai phân tích.  - Nêu được ý nghĩa của quy luật phân li đối với lĩnh vực sản xuất.  - Hình thành được kĩ năng lắng nghe tích cực, hợp tác trong hoạt động nhóm.  - Củng cố được niềm tin khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lục giao tiếp tư duy sáng tạo, | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 3 | -Mục V. Trội không hoàn toàn: Không dạy  -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3: Không thực hiện  - Tích hợp thành chủ đề lai Một cặp tính trạng. |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG( 2 TIẾT GỒM BÀI 4 VÀ 5)** | | | | | |
| 4 | Bài 4. Lai hai cặp tính trạng. | - Học sinh mô tả được thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Menđen.  - Biết phân tích kết quả thí nghiệm lai 2 cặp tính trạng của Menđen.  - Hiểu và phát biểu được nội dung quy luật phân li độc lập của Menđen.  - Có được kĩ năng lắng nghe tích cực, hợp tác trong hoạt động nhóm.  - Củng cố được niềm tin khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lục giao tiếp tư duy sáng tạo, | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 4 |  |
| 5 | Bài 5. Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo). | - Giải thích được khái niệm biến dị tổ hợp.  - Học sinh hiểu và giải thích được kết quả lai hai cặp tính trạng theo quan điểm của Menđen.  - Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá.  - Hình thành được kĩ năng lắng nghe tích cực, hợp tác trong hoạt động nhóm.  - Củng cố được niềm tin khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lục giao tiếp tư duy sáng tạo, | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 5 |  |
| 6 | Bài 6. Thực hành: Tính xác suất xuất hiện các mặt của đồng kim loại. |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 7 | Bài 7. Bài tập chương I. | - Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền.  - Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.  - Rèn kỹ năng giải BT trắc nghiệm khách quan  - Phát triển năng lực tính toán | 2 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 6, 7 | -Bài tập 3 trang 22: Không thực hiện |
|  | | | | | | |
| 8 | Bài 8. Nhiễm sắc thể. | - Học sinh nêu được tính đặc trưng của bộ NST ở mỗi loài.  - Mô tả đựoc cấu trúc hiển vi điển hình của NST ở kì giữa của nguyên phân.  - Hiểu được chức năng của NST đối với sự di truyền các tính trạng.  - Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tư duy sáng tạo. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 8 |  |
|  | **TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: PHÂN BÀO( 2 TIẾT GỒM BÀI 9 VÀ 10)** | | | | | |
| 9 | Bài 9. Nguyên phân | - Trình bày được sự biến đổi hình thái NST (chủ yếu là sự đóng, duỗi, xoắn) trong chu kì tế bào  - Trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kỳ của nguyên phân  - Phân tích được ý nghĩa của nguyên phân đối với sự sinh sản và sinh trưởng của cơ thể  - Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tư duy sáng tạo. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 9 | -Mục I. Biến đổi hình thái nhiễm sắc thể trong chu kì tế bào: Không dạy  -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1: Không thực hiện  -Tích hợp thành chủ đề phân bào |
| 10 | Bài 10. Giảm phân. | - Học sinh nêu được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì giảm phân I và giảm phân II.  - Nêu được những điểm khác nhau của từng kì ở giảm phân I và II.  - Phân tích được những sự kiện quan trọng có liên quan tới các cặp NST tương đồng. - Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tư duy sáng tạo. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 10 | -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện  -Tích hợp thành chủ đề phân bào |
| 11 | Bài 11. Phát sinh giao tử và thụ tinh. | - Học sinh trình bày được các quá trình phát sinh giao tử ở động vật.  - Nêu được những điểm giống và khác nhau giữa quá trình phát sinh giao tử đực và cái.  - Phân tích được ý nghĩa của các quá trình giảm phân và thụ tinh về mặt di truyền và biến dị.  - Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tư duy sáng tạo. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 11 |  |
| 12 | Bài 12. Cơ chế xác định giới tính. | - Học sinh mô tả được một số đặc điểm của NST giới tính.  - Trình bày được cơ chế xác định NST giới tính ở người.  - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phân hoá giới tính.  Phát triển kỹ năng quan sát, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tư duy sáng tạo. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 12 |  |
| 13 | Bài 13. Di truyền liên kết. | - Học sinh hiểu được những ưu thế của ruồi giấm đối với nghiên cứu di truyền.  - Mô tả và giải thích được thí nghiệm của Moocgan.  - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết, đặc biệt trong lĩnh vực chọn giống.  - Phát triển kỹ năng quan sát, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 13 | Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 và câu 4: Không thực hiện |
| 14 | Bài 14. Thực hành: Quan sát hình thái nhiễm sắc thể. | - Học sinh nhận biết dạng NST ở các kì.  - Phát triển kĩ năng sử dụng và quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi  - Rèn kĩ năng vẽ hình  - Trung thực chỉ vẽ những hình qs được  - Phát triển được năng lực khoa học, năng lực giao tiếp | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua hoạt động nhóm  - Qua làm thực hành | 14 |  |
| **CHƯƠNG III. AND VÀ GEN** | | | | | | |
| 15 | Bài 15. ADN. | - Học sinh phân tích được thành phần hoá học của ADN đặc biệt là tính đặc thù và hình dạng của nó.  - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN theo mô hình của J. Oatsơn , F. Crick.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 15 |  |
| 16 | Bài 16. ADN và bản chất của gen. | - Trình bày được các nguyên tắc của sự tự nhân đôi của ADN  - Nêu được bản chất hoá học của gen, chức năng của AND.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 16 |  |
| 17 | Bài 17. Mối quan hệ giữa gen và ARN. | - Học sinh mô tả được cấu tạo sơ bộ và chức năng của ARN.  - Kể tên được các loại ARN.  - Trình bày được sơ bộ quá trình tổng hợp ARN đặc biệt là nêu được nguyên tắc của quá trình này.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 17 |  |
| 18 | Bài 18. Prôtêin. | - Học sinh nêu được thành phần hoá học của prôtêin, phân tích được tính đặc trưng và đa dạng của nó.  - Mô tả được các bậc cấu trúc của prôtêin và hiểu được vai trò của nó. Nắm được các chức năng của prôtêin.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 18 | Mục II. Lệnh ▼ trang 55: Không thực hiện |
| 19 | Bài 19. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng. | - Học sinh nắm mối quan hệ giữa ARN và prôtêin thông qua việc trình bày sự hình thành chuỗi aa.  - Giải thích mối quan hệ trong sơ đồ: gen (1 đoạn phân tử ADN) ⭢ ARN ⭢ prôtêin ⭢ tính trạng.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 19 |  |
| 20 | Bài 20: thực hành: quan sát và lắp mô hình ADN | * Hs lắp ráp được mô hình * Hs hiểu được nguyên tắc bổ sung   - Phát triển kỹ năng thực hành, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học   * Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại phòng thực hành.  - Qua sản phầm học tập | 20 |  |
| 21 | Ôn tập-bài tập Chương II, III | - Củng cố, khắc sâu và mở rộng kiến thức chương về cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ tế bào và cấp độ phân tử.  - Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.  - Phát triển kỹ năng quan sát, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp, tính toán. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 21 |  |
| 22 | Kiểm tra 1 tiết. | - Hiểu và vận dụng được kiến thức đã học.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, kĩ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn làm bài kiểm tra.  - Có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.  - Qua kết quả kiểm tra để có những điều chỉnh phù hợp với hoạt động dạy và học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua bài viết của học sinh | 22 |  |
| **CHƯƠNG IV. BIẾN DỊ** | | | | | | |
| 23 | Bài 21. Đột biến gen. | - Trình bày được khái niệm và nguyên nhân đột biến gen.  - Trình bày được tính chất biểu hiện và vai trò của đột biến gen đối với sinh vật và con người.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG: Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 23 |  |
|  | **CHỦ ĐỀ DẠY HỌC: ĐỘT BIẾN NST ( GỒM 4 TIẾT: BÀI 22, 23, 24 VÀ 26)** | | | | | |
| 24 | Bài 22. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. | - Trình bày được một số dạng đột biến cấu trúc NST.  - Giải thích được nguyên nhân và nêu được vai trò của đột biến cấu trúc NST.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 24 | - Chủ đề dạy học các loại đột biến NST. |
| 25 | Bài 23. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể | - Học sinh hiểu được các biến đổi số lượng thường thấy ở một cặp NST, cơ chế hình thành thể (2n + 1) và thể (2n - 1).  - Nêu được hậu quả của biến đổi số lượng ở từng cặp NST.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 25 | **-Mục I. Lệnh ▼ trang 67: Không thực hiện**  - Chủ đề dạy học các loại đột biến NST. |
| 26 | Bài 24. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể (tiếp theo). | - Phân biệt được hiện tượng đa bội thể và thể đa bội.  - Trình bày được sự hình thành thể đa bội do nguyên phân, giảm phân và phân biệt sự khác nhau giữa 2 trường hợp trên.  - Nhận biết được một số thể đa bội bằng mắt thường qua tranh ảnh và có được các ý niệm sử dụng các đặc điểm của thể đa bội trong chọn giống.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 26 | **-Mục IV. Sự hình thành thể đa bội: Khuyến khích học sinh tự đọc**  -Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện  . |
| 27 | Bài 26. Thực hành: Nhận biết một vài dạng đột biến. | - Biết được 1 số dạng đột biến hình thái ở TV và phân biệt được sự sai khác về hình thái của thân, lá, hoa, quả, hạt.  - Nhận biết được hiện tượng mất đoạn NST trên ảnh chụp hiển vi hoặc trên tiêu bản.  - Nhận biết được 1 số thường biến phát sinh ở các đối tượng trước tác động trực tiếp của điều kiện sống.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa thường biến và đột biến.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 27 | -Tích hợp thành chủ đề tìm hiểu các loại đột biến NST. |
| 28 | Bài 25. Thường biến. | - Học sinh nêu được khái niệm thường biến.  - Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến với đột biến về 2 phương diện: khả năng di truyền và sự biểu hiện thành kiểu hình.  - Trình bày được khái niệm mức phản ứng và ý nghĩa của nó trong chăn nuôi và trồng trọt.  - Trình bày được ảnh hưởng của môi trường sống với tính trạng số lượng và mức phản ứng của chúng để ứng dụng trong việc nâng cao năng suất vật nuôi và cây trồng. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 28 |  |
| 29 | Bài 27. Thực hành: Quan sát thường biến. | - Biết được 1 số dạng đột biến hình thái ở TV và phân biệt được sự sai khác về hình thái của thân, lá, hoa, quả, hạt.  - Nhận biết được 1 số thường biến phát sinh ở các đối tượng trước tác động trực tiếp của điều kiện sống.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 29 |  |
| 30 | Ôn tập-bài tập. | - Học sinh hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.  - Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.  - Phát triển kĩ năng hợp tác trong nhóm. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 30 |  |
| **CHƯƠNG V. DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI** | | | | | | |
| 31 | Bài 28. Phương pháp nghiên cứu di truyền người. | - Hiểu được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích sự di truyền 1 vài tính trạng hay đột biến ở người.  - Phân biệt được 2 trường hợp: sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng.  - Hiểu được ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh trong nghiên cứu di truyền từ đó giải thích được 1 số trường hợp thường gặp.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 31 |  |
| 32 | Bài 29. Bệnh và tật di truyền ở người. | - Nhận biết được bệnh Đao và bệnh Tơcnơ qua các đặc điểm hình thái.  - Trình bày được đặc điểm di truyền của bệnh bạch tạng, bệnh câm điếc bẩm sinh và tật 6 ngón tay.  - Trình bày được các nguyên nhân của các tật bệnh di truyền và đề xuất được 1 số biện pháp hạn chế phát sinh chúng.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 32 |  |
| 33 | Bài 30. Di truyền học với con người. | - Hiểu được di truyền học tư vấn là gì và nội dung của lĩnh vực này.  - Giải thích được cơ sở di truyền học của việc cấm nam giới lấy nhiều vợ và nữ giới lấy nhiều chồng. Cấm những người có quan hệ huyết thống trong vòng 4 đời kết hôn với nhau.  - Hiểu được tại sao phụ nữ không nên sinh con ở tuổi ngoài 35 và tác hại của ô nhiễm môi trường đối với cơ sở vật chất của tính di truyền của con người.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 33 | -Mục II.1. Bảng 30.1: Không dạy |
| 34 | Ôn tập học kỳ I ( Ôn phần đã học, bài 40). | - Học sinh hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.  - Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.  - Phát triển kỹ năng giao tiếp, kĩ năng hợp tác trong nhóm | 2 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập | 34,  35 | -Mục I. Bảng 40.1: Không thực hiện cột “Giải thích”  -Mục II. Câu 7 và câu 10: Không thực hiện |
| 35 | Kiểm tra học kỳ I. | - Hiểu và vận dụng được kiến thức đã học.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, kĩ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn làm bài kiểm tra  - Có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.  - Qua kết quả kiểm tra để có những điều chỉnh phù hợp với hoạt động dạy và học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua bài viết của học sinh | 36 |  |
| **HỌC KỲ II** | | | | | | |
| **CHƯƠNG VI. ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC** | | | | | | |
| 36 | Bài 31. Công nghệ tế bào. | - Hiểu được khái niệm công nghệ tế bào, nắm được những giai đoạn chủ yếu của công nghệ tế bào và hiểu được tại sao cần thực hiện các công nghệ đó.  - Trình bày được những ưu điểm của nhân giống vô tính trong ống nghiệm và phương hướng ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô và tế bào trong chọn giống.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 37 | -Mục I. Lệnh ▼ trang 89, ý 2 (Để nhận được mô non…): Không thực hiện  -Mục II. Ứng dụng công nghệ tế bào: Không dạy chi tiết về cơ chế, chỉ giới thiệu các ứng dụng. |
| 37 | Bài 32. Công nghệ gen. | - Hiểu được khái niệm kĩ thuật gen, trình bày được các khâu trong kĩ thuật gen.  - Học sinh biết được công nghệ gen, công nghệ sinh học.  - Biết ứng dụng của kĩ thuật gen, các lĩnh vực của công nghệ sinh học hiện đại và vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất và đời sống.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 38 | -Mục I. Khái niệm kĩ thuật gen và công nghệ gen: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài.  -Mục II. Ứng dụng công nghệ gen: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các ứng  dụng. |
| 38 | Bài 33. Gây đột biến nhân tạo trong chọn giống |  |  |  |  | -Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 39 | Bài 34. Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần. | - Hiểu và trình bày được nguyên nhân thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật, vai trò của 2 trường hợp trên trong chọn giống.  - Trình bày được phương pháp tạo dòng thuần ở cây giao phấn.  - Củng cố được niềm tin khoa học trong trồng trọt và chăn nuôi | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 39 |  |
| 40 | Bài 35. Ưu thế lai. | - Hiểu được khái niệm ưu thế lai, cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai, lí do không dùng cơ thể lai để nhân giống.  - Nắm được các phương pháp thường dùng để tạo ưu thế lai.  - Hiểu và trình bày được khái niệm lai kinh tế và phương pháp thường dùng để tạo cơ thể lai kinh tế ở nước ta.  - Củng cố được niềm tin khoa học trong trồng trọt và chăn nuôi.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 40 | Mục III. Các phương pháp tạo ưu thế lai: Khôngdạychitiết,chỉdạyphầnchữđóng khung ở cuốibài. |
| 41 | Bài 36. Các phương pháp chọn lọc |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 42 | Bài 37. Thành tựu chọn giống ở Việt Nam |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 43 | Bài 38. Thực hành: Tập dượt thao tác giao phấn. |  |  |  |  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 44 | Bài 39. Thực hành: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng. | - Biết cách sưu tầm tư liệu, biết cách trưng bày tư liệu theo các chủ đề.  - Biết phân tích, so sánh và báo cáo những điều rút ra từ tư liệu.  - Củng cố được niềm tin khoa học trong trồng trọt và chăn nuôi.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 41 |  |
| **PHẦN II. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| **CHƯƠNG I. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| 45 | Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái. | - Hiểu được khái niệm chung về môi trường sống, các loại môi trường sống của sinh vật.  - Phân biệt được các nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh.  - Trình bày được khái niệm về giới hạn sinh thái.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 42 | Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không thực hiện |
| 46 | Bài 42. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật. | - Biết được những ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu, sinh lí và tập tính của sinh vật.  - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp.. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 43 | Mục I. Lệnh ▼ trang 122-123: Không thực hiện |
| 47 | Bài 43. Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật. | - Học sinh nắm được những ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nhiệt độ và độ ẩm môi trường đến các đặc điểm về sinh thái, sinh lí và tập tính của sinh vật.  - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 44 |  |
| 48 | Bài 44. Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật. | - Hiểu và nắm được thế nào là nhân tố sinh vật.  - Nêu được mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 45 |  |
| 49 | Bài 45. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. | - Biết được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 46 |  |
| 50 | Bài 46. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. | - Biết được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát.  - Trình bày sản phẩm học tập và kết quả tiếp thu kiến thức các bài đã học qua trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Phòng thực hành  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 47 |  |
| **CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI** | | | | | | |
| 51 | Bài 47. Quần thể sinh vật. | - Biết được khái niệm, cách nhận biết quần thể sinh vật, lấy được ví dụ.  - Chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của quần thể từ đó thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 48 |  |
| 52 | Bài 48. Quần thể người. | - Học sinh trình bày được 1 số đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan đến vấn đề dân số.  - Từ đó thay đổi nhận thức dân số và phát triển xã hội, giúp cán bộ với mọi người dân thực hiện tốt pháp lệnh dân số.  - Có nhận thức đúng đắn về sự gia tăng đân số và phát tiên kinh tế xã hội. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 49 |  |
| 53 | Bài 49. Quần xã sinh vật. | - Học sinh trình bày được khái niệm của quần xã, phân biệt quần xã với quần thể.  - Lấy được ví dụ minh hoạ các mối liên hệ sinh thái trong quần xã.  - Mô tả được 1 số dạng biến đổi phổ biến của quần xã trong tự nhiên biến đổi quần xã thường dẫn tới sự ổn định và chỉ ra được 1 số biến đổi có hại do tác động của con người gây nên.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên  - Củng cố niềm tin vào khoa học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 50 |  |
| 54 | Bài 50. Hệ sinh thái. | - Hiểu được khái niệm hệ sinh thái, nhận biết được hệ sinh thái trong thiên nhiên.  - Nêu được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, cho được VD.  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp nông nghiệp nâng cao năng suất cây trồng đang sử dụng rộng rãi hiện nay.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên  - Củng cố niềm tin vào khoa học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 51 |  |
| 55 | Bài 51. Thực hành: Hệ sinh thái. | - Trình bày được các thành phần của hệ sinh thái.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Vườn trường  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 52 |  |
| 56 | Bài 52. Thực hành: Hệ sinh thái. | - Trình bày được các thành phần của một chuỗi thức ăn, lưới thức ăn.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Vườn trường  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 53 |  |
| 57 | Kiểm tra 1 tiết. | - Hiểu và vận dụng được kiến thức đã học.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, kĩ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn làm bài kiểm tra.  - Có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.  - Qua kết quả kiểm tra để có những điều chỉnh phù hợp với hoạt động dạy và học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua bài viết của học sinh | 54 |  |
| **CHƯƠNG III. CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| 58 | Bài 53. Tác động của con người đối với môi trường. | - Học sinh chỉ ra được các hoạt động của con người làm thay đổi thiên nhiên.  - Ý thức được trách nhiệm cần bảo vệ môi trường sống cho chính mình và các thế hệ sau.  - Phát triển kỹ năng quan sát kênh hình, kĩ năng hợp tác trong nhóm  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 55 |  |
| 59 | Bài 54. Ô nhiễm môi trường. | - Học sinh biết được các nguyên nhân gây ô nhiễm, từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 56 |  |
| 60 | Bài 55. Ô nhiễm môi trường (tiếp theo). | - Hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 57 |  |
| 61 | Bài 56. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương. | - Giúp học sinh chỉ ra được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương.  - Củng cố niềm tin vào khoa học  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Môi trường tự nhiên  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành  - Qua hoạt động nhóm | 58 |  |
| 62 | Bài 57. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương. | - Đề xuất xuất các biện pháp khắc phục, nâmg cao nhận thức của hs đối với công tác chống ô nhiễm môi trường.  - Trình bày sản phẩm học tập và kết quả tiếp thu kiến thức các bài đã học qua trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. năng lực tìm hiểu tự nhiên | 1 tiết | TCDH: Môi trường tự nhiên  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 59 |  |
| **CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| 63 | Bài 58. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. | - Phân biệt được 3 dạng tài nguyên thiên nhiên, nêu được tầm quan trọng và tác dụng của việc sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và khái niệm phát triển bền vững.  - Có ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 60 |  |
| 64 | Bài 59. Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã. | - Học sinh giải thích được vì sao cần khôi phục môi trường, giữ gìn thiên nhiên hoang dã, đồng thời nêu được ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ thiên nhiên hoang dã.  - Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 61 |  |
| 65 | Bài 60, 61 Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. Luật bảo vệ môi truường | - Học sinh phải đưa ra được VD minh họa các kiểu hệ sinh thái chủ yếu.  - Trình bày được hiệu quả của các biện pháp bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái, từ đó đề xuất được những biện pháp bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.  - Học sinh phải biết được sự cần thiết phải có luật bảo vệ môi trường.  - Những nội dung chính của luật bảo vệ môi trường.  - Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên  - Trách nhiệm của mỗi HS nói riêng, mỗi người dân nói chung trong việc chấp hành luật. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 62 |  |
| 66 | Bài 62. Thực hành: Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương. | - Giúp hs vận dụng được những nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường vào tình hình cụ thể của địa phương  - Nâng cao ý thức của HS trong việc bảo vệ môi trường ở địa phương.  - Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Môi trường tự nhiên  KTĐG:  - Qua kết quả thực hành | 63 |  |
| 67 | Bài tập | - Củng cố kiến thức về “ bảo vệ môi trường “.Qua nội dung kiến thức đã được học trong chương học sinh hiểu được: Môi trường đang bị ô nhiễm biện pháp bảo vệ môi trường, trách nhiệm bảo vệ môi trường của loài người sống trên trái đất nói chung cũng như ý thức trách nhiệm của học sinh nói riêng.  - Học sinh hiểu được thế nào là sự phát triển bện vững, ngày môi trường thế giới là ngày nào, phong trào giữ xanh, sạch đẹp trong các nhà trường là gi? | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 64 |  |
| 68 | Ôn tập cuối học kỳ II. | - Học sinh hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về sinh vật và môi trường.  - Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 2 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 65,  66 |  |
| 69 | Kiểm tra học kỳ II | - Hiểu và vận dụng được kiến thức đã học.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, kĩ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn làm bài kiểm tra.  - Có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.  - Qua kết quả kiểm tra để có những điều chỉnh phù hợp với hoạt động dạy và học | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua bài viết của học sinh | 67 |  |
| 70 | Bài 64. Tổng kết chương trình toàn cấp. | - Giúp hs hệ thống hóa kiến thức thức sinh học về các nhóm sinh vật, đặc điểm các nhóm thực vật.  - Biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất và đồi sống .  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 68 |  |
| 71 | Bài 65. Tổng kết chương trình toàn cấp. | - Học sinh hệ thống hóa kiến thức thức sinh học về các nhóm sinh vật, đặc điểm các nhóm động vật và con người..  - Biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất và đồi sống .  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập  - Qua hoạt động nhóm | 69 |  |
| 72 | Bài 65. Tổng kết chương trình toàn cấp. | - Học sinh hệ thống hóa kiến thức thức sinh học về các các quy luật di truyền và biến dị, cơ sở khoa học về di truyền học ở người, nêu được các biện pháp bảo vệ môi tường tự nhiên.  - Có ý thức bảo vệ thiên nhiên.  - Biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất và đồi sống  - Phát triển được khả năng tự học, năng lực giao tiếp. | 1 tiết | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua hoạt động nhóm | 70 |  |

**B. Chương trình bồi dưỡng HSG.**

**I. LỚP 8:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết**  (ghi thứ tự tiết) | **Ghi chú** |
| 1 | **Chuyên đề 1**:  Khái quát về cơ thể người | - Nêu cấu tạo và chức năng từng bộ phận của tế bào.  - Phân biệt các loại mô.  - Phản xạ? Vòng PX? Các thành phần tham gia cung PX | 3 buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi1  buổi2  buổi3 |  |
| 2 | **Chuyên đề 2**: Vận động | - Trình bày cấu tạo bộ xương phù hợp với chức năng đứng thẳng, đi và lao động.  - Nêu đặc điểm tiến hóa của hệ vận động  - Cấu tạo và tính chất của cơ | 3 buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi4  buổi5  buổi6 |  |
| 3 | **Chuyên đề 3**: Tuần hoàn | - Nêu cấu tạo của máu phù hợp với chức năng  - Nêu cấu tạo của tim và mạch phù hợp với chức năng.  - Vẽ được sơ đồ tuần hoàn máu.  - Giải thích đông máu và nguyên tắc truyền máu | 5 buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi7  buổi8  buổi9  buổi 10  buổi 11 |  |
|  | **Kiểm tra bài 1** | Hs nắm được về chương vận động, tuần hoàn. | 1 buổi |  | buổi 12  thời gian 150p |  |
| 4 | **Chuyên đề 4**:Hô hấp | - Nêu cấu tạo của hệ hô hấp phù hợp với chức năng.  - Trình bày hoạt động hô hấp. | 3 buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi 13  buổi 14  buổi 15 |  |
| 5 | **Chuyên đề 5**: Tiêu hóa | - Nêu cấu tạo hệ tiêu hóa phù hợp với chức năng.  - Tìm hiểu hoạt động của en zim trong nước bọt  - Hấp thụ chất dinh dưỡng. | 3 buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi 16  buổi 17  buổi 18 |  |
| 6 | **Chuyên đề 6**: Trao đổi chất và năng lượng | - Nêu trao đổi chất ở 2 cấp độ và mối quan hệ giữa chúng.  - Trình bày QT chuyển hóa.  - Trình bày cơ chế điều hòa thân nhiệt | 2buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi 19  buổi 20 |  |
| 9 | **Chuyên đề 9**:Thần kinh và giác quan | - Nêu cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh  Nêu cấu tạo và chức năng của nơron  - Tìm hiểu thí nghiệm tìm hiểu chức năng của tủy sống.  - Giải thích dây thần kinh tủy là dây pha.  - Phân biệt hệ thần kinh sinh dưỡng và hệ TK vận động.  Nêu cấu tạo của cơ quan phân tích thị giác phù hợp với chức năng.  Nêu cấu tạo của cơ quan phân tích thính giác phù hợp với chức năng.  - Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. | 5buổi | TCHĐ dạy học tại lớp; KTĐG qua sản phẩm học tâp | buổi 21  buổi 22  buổi 23  buổi 24  buổi 25 |  |

**II. LỚP 9:**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết**  (ghi thứ tự tiết) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Các thí nghiệm của Men đen | * Tìm hiểu về lý thuyết di truyền học. * Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập lai một cặp tính trạng   - Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập lai Hai cặp tính trạng  - Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập tổng hợp và nâng cao | 10buổi | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập | Từ buổi 1-buổi 10 |  |
| **2** | Nhiễm sắc thể | * Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập nguyên phân * Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập giảm phân * Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập phát sinh giao tử và thụ tinh * Tìm hiểu về lý thuyết và bài tập di truyền liên kết | 10buổi | TCDH: Tại lớp  KTĐG:  - Qua sản phầm học tập | Từ buổi 11- buổi 20 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT**  **P.TRƯỞNG PHÒNG**  **Phạm Tân Phương** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |